

# LỜI MỞ ĐẦU

\*\*\*\*\*❁\*\*\*\*\*

## 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có sự đổi mới sâu sắc. Đặc biệt, sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra một bước ngoặt mới trong sự phát triển kinh tế của nước ta, nó mở ra trước mắt các doanh nghiệp nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức và khó khăn. Hoạt động trong nền kinh tế đó các doanh nghiệp phải đứng trước sự cạnh tranh hết sức gay gắt, chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế như Quy luật cung cầu, Quy luật cạnh tranh, Quy luật giá trị ... Do đó, để có thể đứng vững, tồn tại và phát triển được thì hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp phải mang lại hiệu quả xác thực, tức là đem lại lợi nhuận. Lợi nhuận chính là tiền đề cho doanh nghiệp tồn tại, chiếm lĩnh thị trường và phát triển.

Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp phải hoàn toàn tự chủ trong sản xuất kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập, tức là lấy thu nhập bù chi phí, có doanh lợi để tăng tích lũy, từ đó tái sản xuất mở rộng không ngừng. Để thực hiện được điều đó, doanh nghiệp phải tổng hoà các biện pháp quản lý đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt là phải tổ chức quản lý tốt việc sản xuất sản phẩm nhằm giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xuống tới mức giới hạn thấp nhất.

Tuy nhiên, trong các doanh nghiệp hiện nay, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng còn bộc lộ nhiều tồn tại chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và quá trình hội nhập. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng nhằm phản ánh đúng chi phí, làm cơ sở cho việc tính toán chính xác chi phí, giá thành sản phẩm cho ban quản trị, cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành kiểm tra chi phí và hoạch định chiến lược của doanh nghiệp trở thành một nhu cầu cấp thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng này, sau thời gian học tập tại trường đại học dân lập Hải Phòng và thực tập tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp, với sự hướng dẫn nhiệt tình của ThS.Nguyễn Đức Kiên cùng các cán bộ, nhân viên phòng kế toán tài chính của công ty em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và chọn đề tài tốt nghiệp:

**“ Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp ”.**

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:**

- Hệ thống lý luận chung về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Mô tả và phân tích thực trạng về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.
- Đề xuất những kiến nghị nhằm từng bước hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.

## **4. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp chung: Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ,...) phương pháp nghiên cứu tài liệu...
- Phương pháp kỹ thuật trong trình bày: Kết hợp giữa mô tả và phân tích, giữa luận giải với bảng, biểu và sơ đồ.

## **5. Kết cấu của khoá luận:**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

**Chương 2:** Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện & xây lắp.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện & xây lắp.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

#### 1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

##### 1.1.1. Bản chất của chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Chi phí kinh doanh trong một kỳ nhất định bao gồm toàn bộ phần tài sản hao mòn hoặc tiêu dùng hết cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Vì vậy: Thực chất của chi phí sản xuất là sự chuyển dịch vốn – chuyển dịch giá trị các yếu tố vào đối tượng tính giá thành.

##### 1.1.2. Nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải có đủ 3 yếu tố cơ bản là:

- Đối tượng lao động
- Sức lao động
- Tư liệu lao động

Tương ứng với các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh là các chi phí sản xuất kinh doanh nói chung của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí về các đối tượng lao động (Nguyên vật liệu...)
- Chi phí về lao động (chi phí nhân công)
- Chi phí về các tư liệu lao động chủ yếu (tài sản cố định)
- Chi phí về các dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, các chi phí trên đều được thể hiện bằng một lượng giá trị nhất định, tức là biểu hiện bằng tiền, trong đó chi phí tiền công là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống, còn chi phí về khấu hao tài

sản cố định, chi phí về nguyên liệu, nhiên vật liệu là biểu hiện bằng tiền của hao phí về lao động vật hoá.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp, nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán chi phí sản xuất phải được tính toán tập hợp theo từng thời kỳ phù hợp với kỳ báo cáo.

## **1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm:**

### **1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm.**

- Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

- Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong suốt quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đang thực hiện nhằm đạt được những mục đích sản xuất khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí bỏ ra thấp nhất. Giá thành còn là căn cứ để tính toán xác định hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất cũng như hiệu quả quản trị chi phí của doanh nghiệp.

- Bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành.

### **1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm.**

Giá thành sản phẩm có 2 chức năng chính: Chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

- Chức năng bù đắp chi phí thể hiện ở toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải bù đắp bằng số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm.

- Chức năng lập giá: Giá bán phải có khả năng bù đắp hao phí vật chất để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất. Giá bán của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định.

Như vậy giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

*\* Mọi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.*

Mọi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện trên hai khía cạnh:

- Về mặt chất: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm để biểu hiện toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình sản xuất, biểu hiện bằng tiền. Nhưng chi phí phản ánh mặt hao phí còn giá thành phản ánh mặt kết quả sản xuất.

- Về mặt lượng: Chi phí sản xuất luôn gắn với thời kỳ phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó:

**Z:** Tổng giá thành sản phẩm

**D<sub>dk</sub>:** Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

**D<sub>ck</sub>:** Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

**C:** Tổng chi phí phát sinh trong kỳ

Như vậy chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành sản phẩm hoàn thành. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hai giai đoạn kế tiếp nhau của quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

### **1.3. Phân loại chi phí sản xuất:**

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại, mỗi loại có tính chất, nội dung kinh tế và công dụng khác nhau. Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán, cần phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất. Xuất phát từ các mục đích và yêu cầu khác nhau của quản lý, chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các tiêu thức khác nhau.

### ***1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.***

Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất phát sinh nếu có cùng nội dung kinh tế được sắp chung vào một yếu tố bất kể là nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để sản xuất ra sản phẩm gì.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất được phân thành 5 yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

### ***1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục.***

Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất được xếp thành một số khoản mục nhất định có công dụng kinh tế khác nhau để phục vụ cho yêu cầu tính giá thành và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tính giá thành.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất sản phẩm bao gồm 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

### ***1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo một số tiêu thức khác.***

Ngoài hai cách phân loại trên, chi phí sản xuất còn được phân loại theo một số tiêu thức khác.

- Chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi.
- Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.
- Chi phí bất biến và chi phí khả biến.
- Chi phí năm trước và chi phí năm nay.
- Chi phí chờ phân bổ và chi phí trích trước.

## **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm:**

### ***1.4.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành.***

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành ba loại sau:

- Giá thành kế hoạch: Được xác định trước khi bước vào sản xuất kinh doanh trên cơ sở các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức lại được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Giá thành thực tế: Giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

#### **1.4.2. Căn cứ theo phạm vi phát sinh chi phí.**

Theo phạm vi phát sinh, giá thành sản phẩm được chia thành giá thành sản xuất sản phẩm và giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ.

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn được gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành toàn bộ} \\ \text{của sản phẩm} \\ \text{tiêu thụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất sản phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí tiêu} \\ \text{thụ sản phẩm} \end{array}$$

Cách phân loại này giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp biết được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh

### **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.**

Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác, kịp thời, đòi hỏi công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Vấn đề này có



tầm quan trọng đặc biệt trong cả lý luận cũng như thực tiễn hạch toán và là nội dung cơ bản nhất của công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

### **1.5.3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:**

Trong doanh nghiệp sản xuất đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất theo các phạm vi, giới hạn đó. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là xác định nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ...) và đối tượng chịu chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng...). Tuỳ thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể mà đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp có thể là

- Từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.
- Từng bộ phận phân xưởng, giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, toàn doanh nghiệp.

### **1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.**

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là loại sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ, ... mà doanh nghiệp tiến hành sản xuất, thực hiện, cần được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Để xác định đối tượng tính giá thành cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm được xác định là đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng loại sản phẩm là đối tượng tính giá thành. Đối với quy trình sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành sẽ là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của quy trình công nghệ, còn các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất và chế biến phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở bộ phận, từng chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

### **1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm:**

Giá thành sản phẩm không thể tính vào bất cứ thời điểm nào mà phải dựa vào khả năng xác định về số lượng cũng như định lượng chi phí sản xuất có liên

quan đến kết quả đó. Xuất phát từ đặc điểm như vậy nên kỳ tính giá thành không thể giống nhau cho các ngành nghề sản xuất khác nhau. Tùy theo chu kỳ sản xuất dài hoặc ngắn cũng như địa điểm sản xuất sản phẩm mà xác định kỳ tính giá thành cho phù hợp. Như vậy kỳ tính giá thành có thể là cuối mỗi tháng, cuối mỗi năm hoặc khi đã thực hiện hoàn thành đơn đặt hàng, hoàn thành hạng mục công trình...

## **1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.**

### ***1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất***

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí sản xuất một cách hợp lý. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ...

Nội dung chủ yếu của phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là kế toán mở thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí có liên quan đến đối tượng, đến kỳ tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

### ***1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất***

Tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo trình tự hợp lý, khoa học là bước cơ bản để tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Doanh nghiệp sản xuất bao gồm nhiều loại hình khác nhau, có đặc điểm riêng về tổ chức sản xuất quản lý cũng như quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rất đa dạng. Tùy theo phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng mà cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau. Tuy nhiên, nếu xét một cách tổng quát thì quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất có những điểm chung, có tính chất căn bản bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành lao vụ.

- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

## **1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.**

### **1.7.1. Phương pháp trực tiếp:**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...).

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \frac{\text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Tổng chi phí sản xuất trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

### **1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí:**

Áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ. Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tổng cộng chi phí được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo, may mặc...

### **1.7.3. Phương pháp hệ số:**

Phương pháp hệ số được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm và giữa chúng có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm chuẩn. Sản phẩm có hệ số là 1 được xem là sản phẩm chuẩn). Theo phương pháp này, trước hết kê toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá

thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi } (Q_{oi}) = \sum \left\{ \begin{array}{l} \text{Số lượng hoàn thành của} \\ \text{từng loại sản phẩm.} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại} \end{array} \right\}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc } (Z_{oi}) = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi } (Q_{oi})}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i \text{ } (Z_i) = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc } (Z_{oi}) \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i \text{ } (H_i)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản xuất của các} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

#### 1.7.4. Phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính nhưng giữa chúng không có hệ số quy đổi. Do vậy phải xác định tỷ lệ giữa tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch (hoặc định mức) để qua đó xác định giá thành cho từng loại sản phẩm.

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành thực tế} \\ \text{của từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế hoạch} \\ \text{(định mức) của từng loại sản phẩm} \end{array} \times \text{Tỷ lệ}$$

#### 1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ:

Đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được các sản phẩm phụ (các doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia...), để tính giá trị sản phẩm chính, kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ. Giá trị sản phẩm phụ có thể được xác định theo nhiều phương pháp như giá trị có thể sử dụng, giá trị ước tính ...

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dở dang} \\ \text{đầu kỳ của sản} \\ \text{phẩm chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm thu} \\ \text{hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị dở dang} \\ \text{cuối kỳ của sản} \\ \text{phẩm chính} \end{array}$$

### **1.7.6. Phương pháp theo đơn đặt hàng.**

Đây là phương pháp tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán chi phí phải được chi tiết hoá theo từng đơn đặt hàng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào từng đơn đặt hàng có liên quan, riêng chi phí phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng do liên quan đến nhiều đơn đặt hàng nên tổ chức theo dõi theo phân xưởng và cuối mỗi tháng mới tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp. Thực hiện tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng thì đối tượng hạch toán chi phí là từng đơn hàng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm cụ thể của từng đơn hàng.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thoả thuận theo hợp đồng. Nếu đến ngày kết thúc kỳ kế toán mà đơn hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp theo đơn hàng là giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

### **1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.**

\* Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước nhưng không tính giá thành bán thành phẩm mà tính luôn giá thành hoàn chỉnh (còn gọi là phương pháp kết chuyển song song).

- Đối tượng hạch toán chi phí là từng giai đoạn công nghệ. Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn chỉnh.

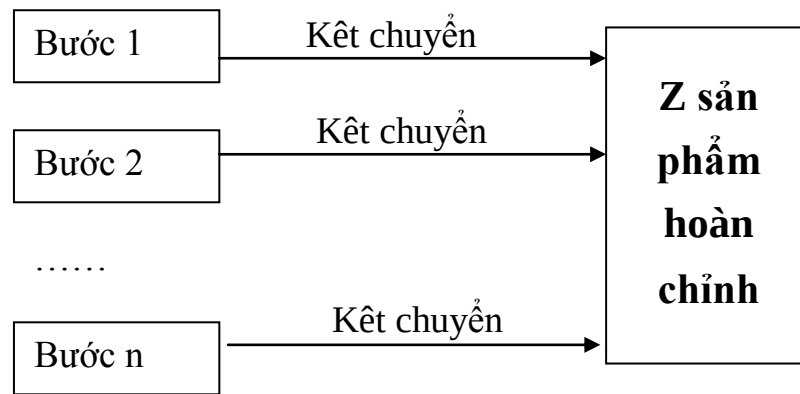
$$Z_{\text{hoàn chỉnh}} = \text{CPNVL}_{\text{trực tiếp}} + \text{CP}_{\text{chế biến bước 1}} + \text{CP}_{\text{chế biến bước 2}} \dots \text{CP}_{\text{chế biến bước n}}$$

#### Trong đó

$Z_{\text{hoàn chỉnh}}$  : Giá thành hoàn chỉnh

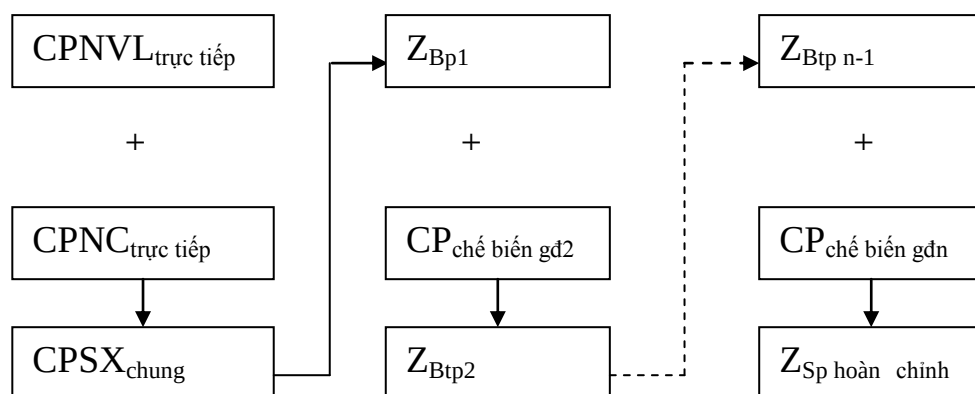
$\text{CPNVL}_{\text{trực tiếp}}$  : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$\text{CP}_{\text{chế biến bước...}}$  : chi phí chế biến bước...



*\* Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm ở từng giai đoạn sản xuất trước khi tính giá thành hoàn chỉnh (gọi là phương pháp kết chuyển tuần tự).*

- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn sản xuất
- Đối tượng tượng tính giá thành là các bán thành phẩm ở từng giai đoạn và sản phẩm hoàn chỉnh ở giai đoạn cuối cùng.



#### **1.7.8. Tính giá thành theo phương pháp định mức.**

Phương pháp này được áp dụng khi doanh nghiệp có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, đồng thời có hệ thống kế toán được thiết kế tương ứng có khả năng cung cấp và phân tích thông tin nhanh nhạy, đảm bảo được độ tin cậy cần thiết.

*Công thức tính giá thành sản phẩm theo phương pháp này:*

$$\begin{array}{rclclcl} \text{Giá thành} & = & \text{Giá thành} & + & \text{Chênh lệch do thay} & + & \text{Chênh lệch do thực} \\ \text{thực tế} & & \text{định mức} & - & \text{đổi định mức} & - & \text{hiện định mức} \end{array}$$

Chênh lệch do thay đổi sẽ được sử lý vào đầu kỳ kế toán nên giá thành thực tế có sự khác biệt so với giá thành định mức là do việc thực hiện định mức trong kỳ kế toán.

### **1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang:**

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản xuất, doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang. Tùy theo đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và tính chất của sản phẩm mà doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang sau:

#### **1.8.1. Phương pháp đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp).**

\* Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính thực tế sử dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm.

sản phẩm dở dang chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu chính, các chi phí khác được tính hết cho sản phẩm hoàn thành. Nguyên vật liệu chính được xuất dùng toàn bộ ngay từ đầu quá trình sản xuất và mức tiêu hao về nguyên vật liệu chính tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí nguyên vật} \\ \text{liệu chính sử dụng} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \end{array}$$

\* Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (lấy trên tài khoản 621). Vận dụng phù hợp khi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong cấu thành giá thành sản phẩm. Các loại vật liệu được sử dụng chiếm đại bộ phận ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất. Công thức tính toán cũng tương tự như khi đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính nhưng thay vào đó là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

### **1.8.2. sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.**

\* Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương với mức độ hoàn thành thực tế và gắn liền với tất cả các khoản mục cấu thành giá thành sản phẩm.

Trong chi phí sản xuất dở dang bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí, từng khoản mục được xác định trên cơ sở quy đổi. sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành theo mức độ hoàn thành thực tế.

$$\text{chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành được xác định}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

### **1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến**

Phương pháp này tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng ước tính tương đương nhưng có điểm khác là: Các chi phí chế biến (Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được giả định đã hoàn thành 50%.



### ***1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức:***

Phương pháp này vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức.

Đặc điểm của phương pháp này là chi phí nguyên vật trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được và tỷ lệ hoàn thành.

## **1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm**

### ***1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên***

Trong những doanh nghiệp này, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho: việc nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ....được theo dõi một cách thường xuyên trong sổ kế toán.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Đối với các chi phí liên quan chung đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tách riêng được thì đến cuối kỳ kế toán phải tập hợp lại rồi tiến hành phân bổ cho từng đối tượng liên quan theo tiêu thức phù hợp.

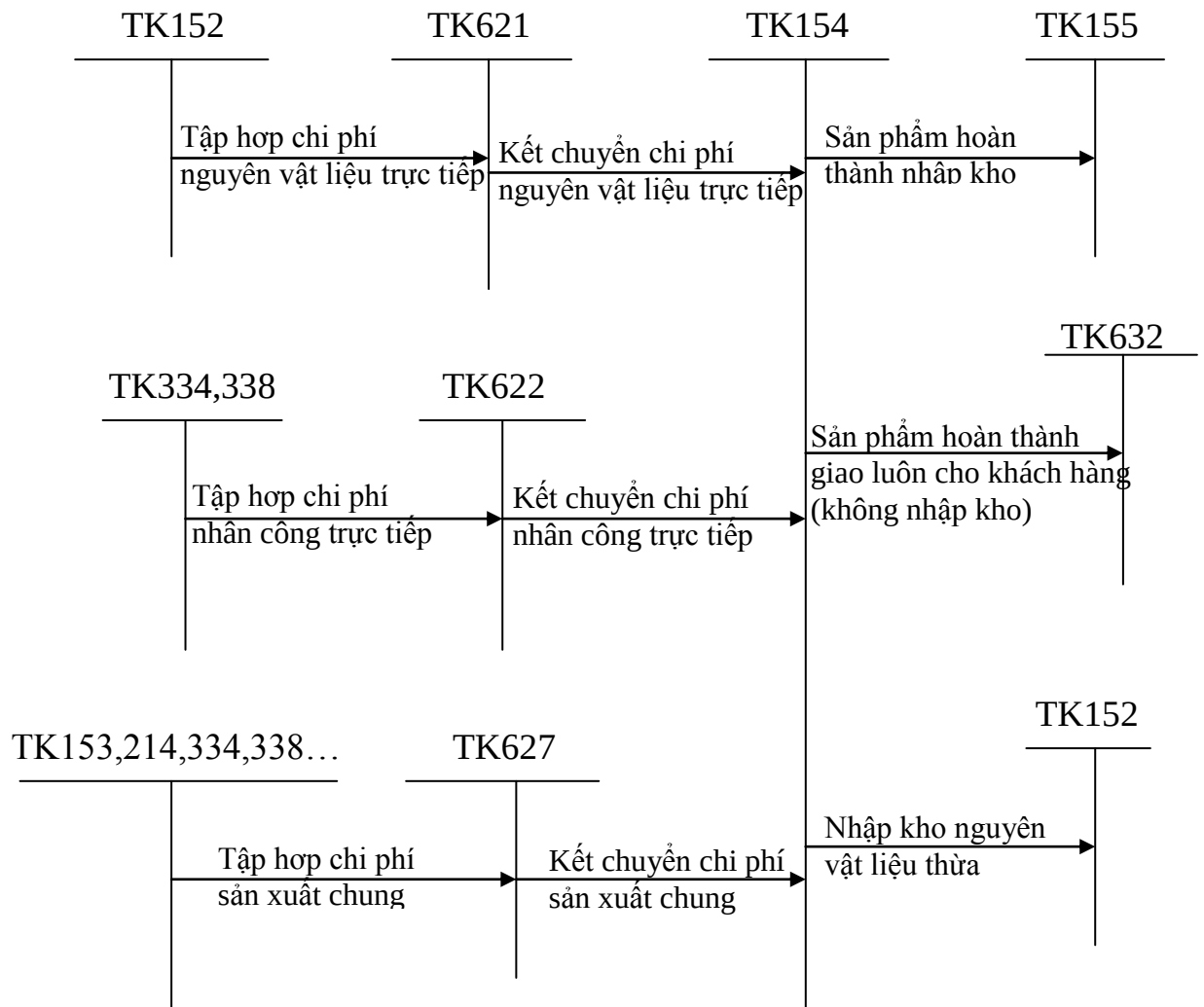
Chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản:

- TK 621 – “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”
- TK 622 – “ Chi phí nhân công trực tiếp”
- TK 627 – “ Chi phí sản xuất chung”

Sau khi tập hợp và phân bổ các loại chi phí sản xuất, kế toán tiến hành tổng hợp lại để tính giá thành sản phẩm. Theo phương pháp kê khai thường xuyên, tài khoản 154 – “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” được sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên được phản ánh qua sơ đồ sau:

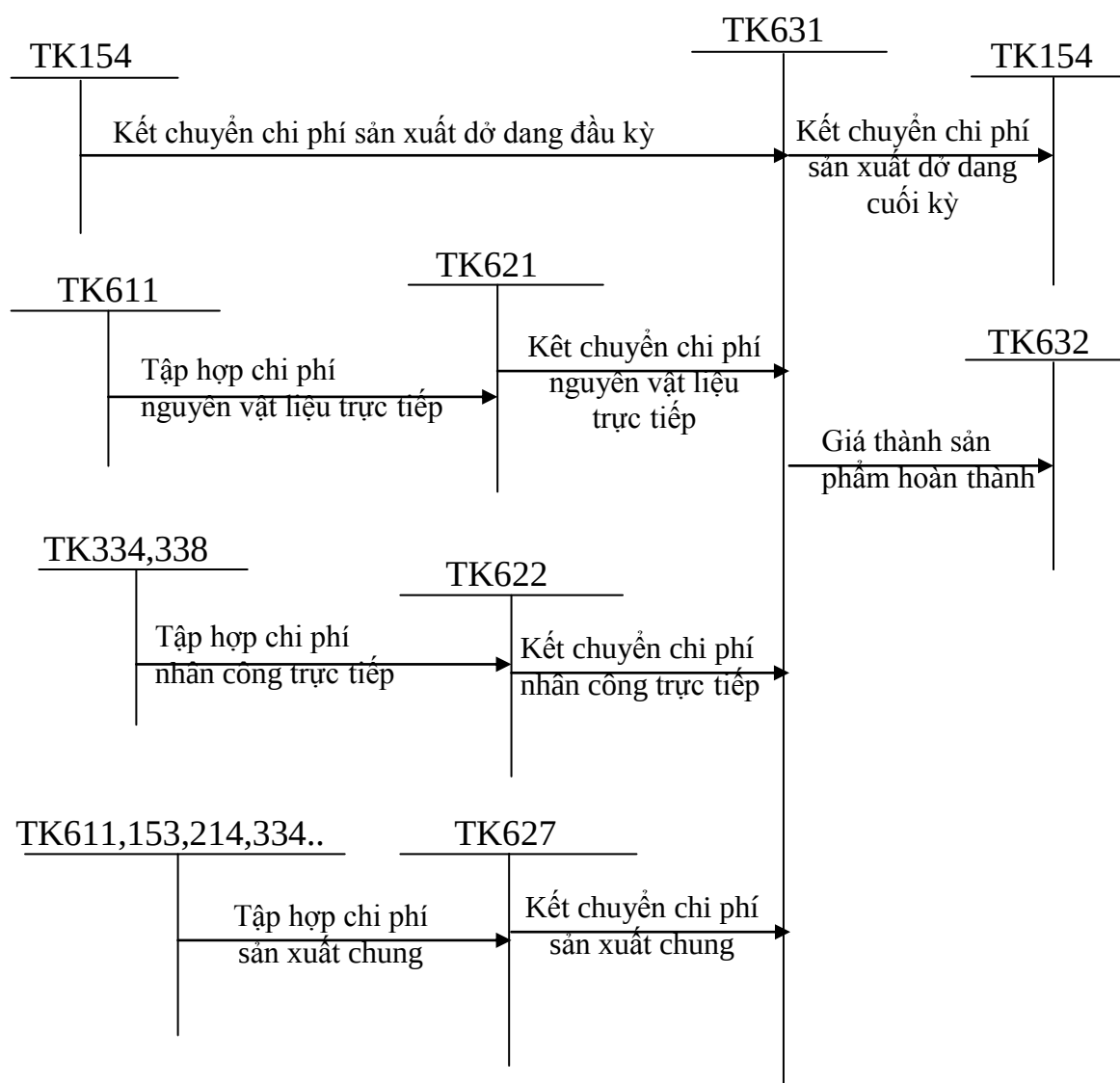
**Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



**1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631- Giá thành sản xuất.

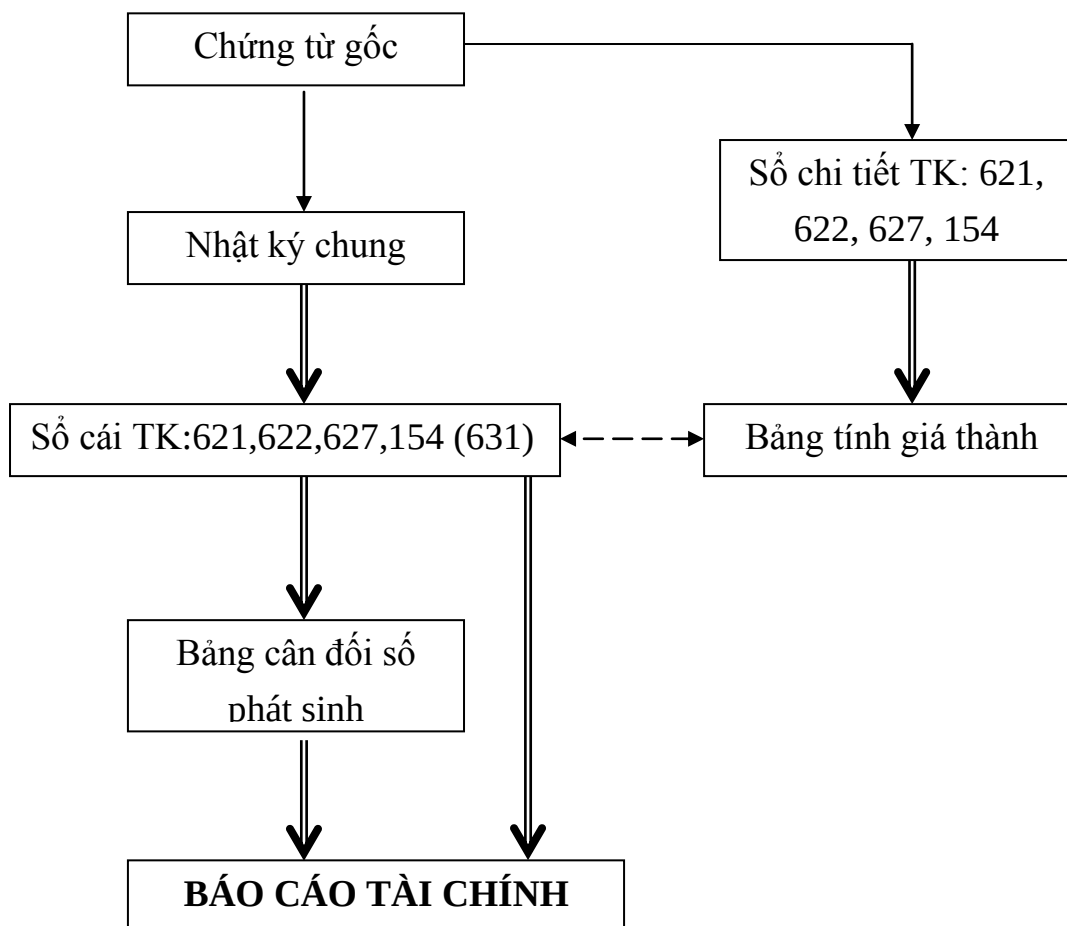
**Sơ đồ 1.2: Kế toán tập hợp chi phí – giá thành trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**



**1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.**

**1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký chung:**

**Sơ đồ 1.3:** *Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký chung*

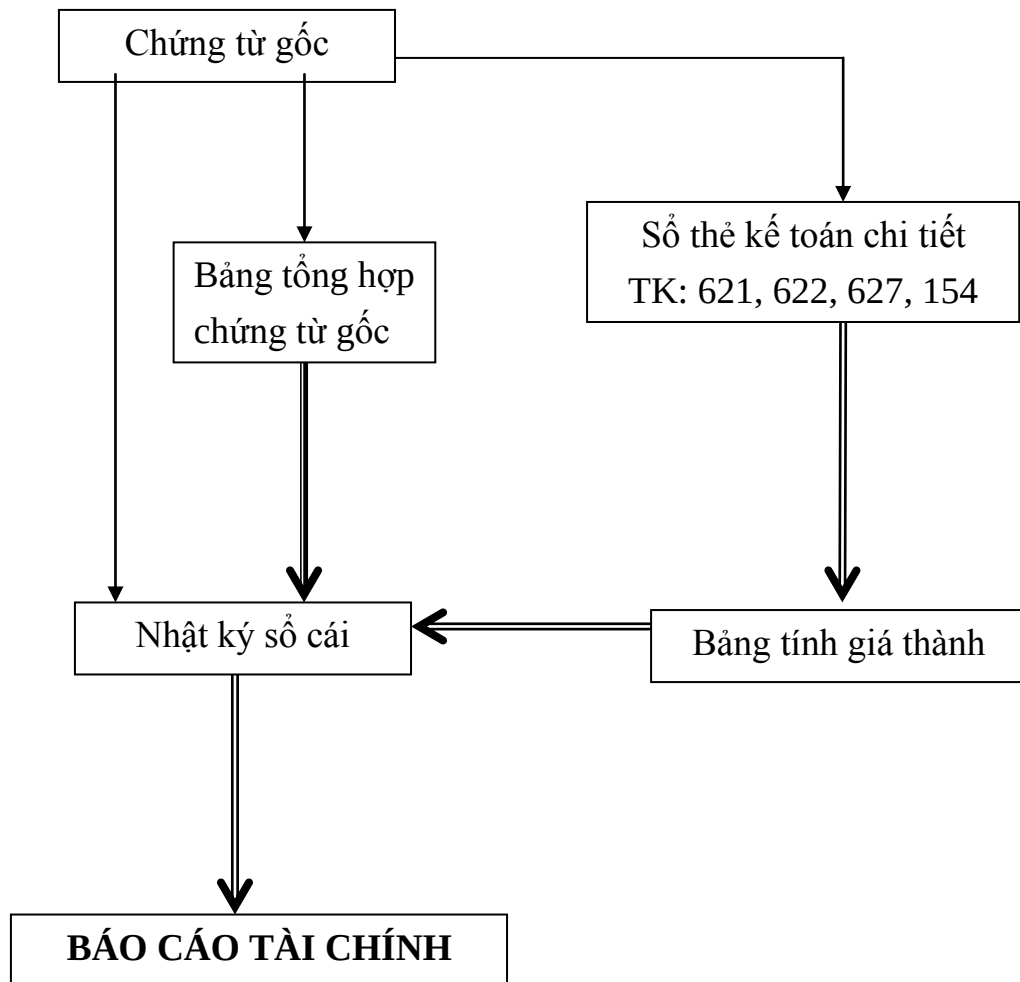


**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký – sổ cái.**

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký – sổ cái.**



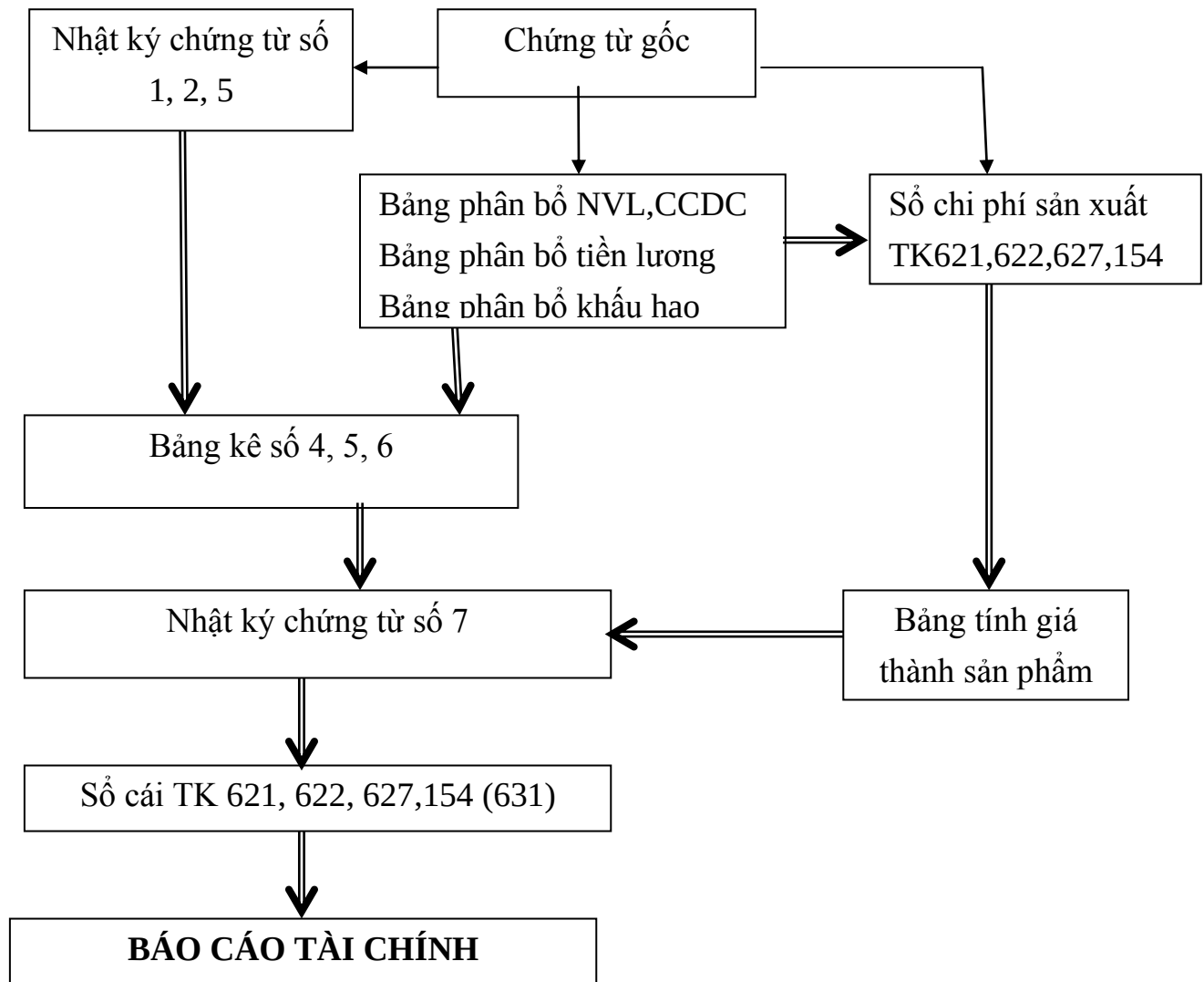
**Ghi chú:**

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kỳ

**1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký- chứng từ.**

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký- chứng từ.**



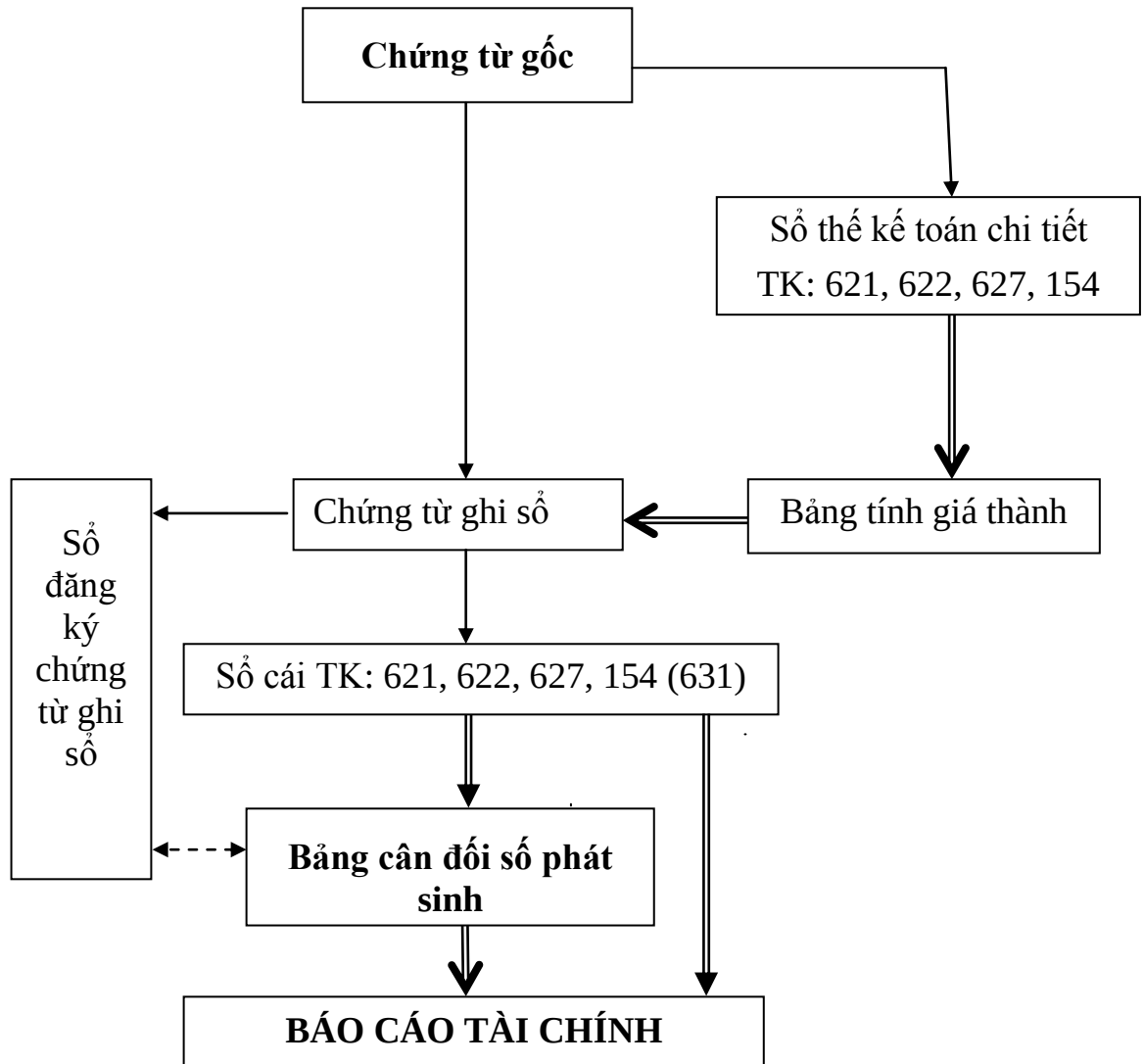
**Ghi chú:**

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kỳ

**1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong các Doanh nghiệp áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.**

**Sơ đồ 1.6:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ:

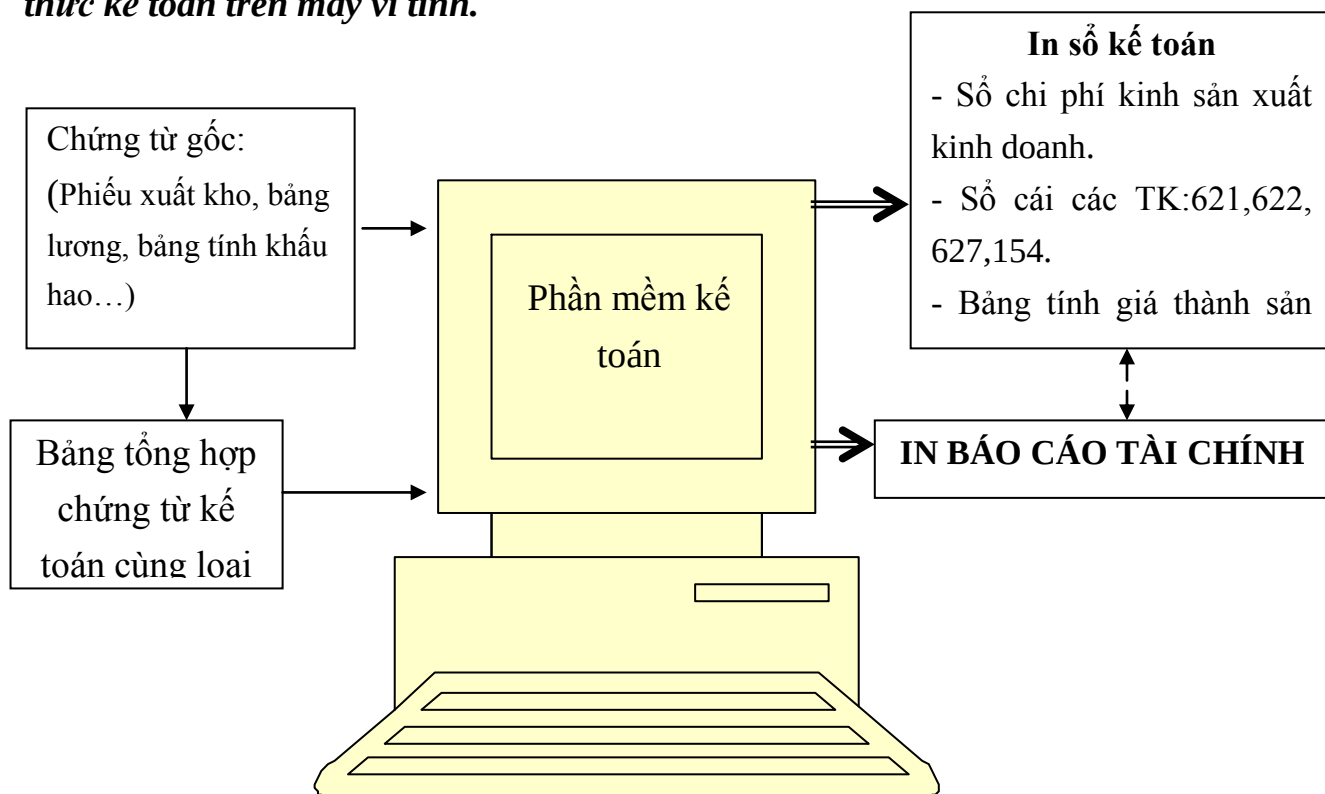


**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- <-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

**1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong các Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính:**

**Sơ đồ 1.7:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



**Ghi chú:**

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

↔ Quan hệ đối chiếu



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN VÀ XÂY LẮP

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

Với chủ trương công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước nói chung và Hải Phòng nói riêng với sự đòi hỏi của nền kinh tế thị trường nói chung ngày 16/01/2001 sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0202000186 cho Công ty TNHH công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện & xây lắp (Tên giao dịch: MACHNICA ELECTRIC THERMIC TECHNOLOGY AND CONSTRUCTION CO.,LTD, viết tắt là: METTECH CO.,LTD). Với số vốn điều lệ là 3.800.000.000 “ Ba tỉ tám trăm triệu đồng chẵn”.

- Tên giao dịch: Công ty TNHH công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện & xây lắp.
- Tên viết tắt: METTECH CO.,LTD
- Mã số thuế: 0200415717
- Số điện thoại: 0313.778862
- Fax: 0313.778725
- Email: [mettech@vnn.vn](mailto:mettech@vnn.vn)
- Địa chỉ trụ sở: 126 Phạm Hữu Điều- Niệm Nghĩa-Lê Chân-Hải Phòng.
- Số tài khoản: 3409199 tại ngân hàng ACB Hải Phòng.
- Tuy đăng ký rất nhiều ngành nghề kinh doanh nhưng hiện nay do năng lực cũng như tiềm lực về vốn Công ty mới chỉ đi chuyên sâu vào mảng thi công công trình, thiết kế chế tạo thiết bị ứng dụng công nghệ cơ nhiệt điện là chính. Một vài năm tới Công ty sẽ thực hiện chiến lược khai thác sang các mảng khác như: dịch vụ xuất khẩu, thương mại, vận tải.

Sau hơn chín năm hoạt động Công ty đang trên đà phát triển và thu được nhiều lợi nhuận. Sự phát triển của Công ty được thể hiện qua một số chỉ tiêu sau:

| Stt | Chỉ tiêu                             | Năm 2007      | Năm 2008      | Năm 2009      |
|-----|--------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1   | Tổng doanh thu                       | 8.168.719.932 | 3.609.142.253 | 7.419.384.537 |
| 2   | Tổng doanh thu thuần                 | 8.168.719.932 | 3.609.142.253 | 7.419.384.537 |
| 3   | Tổng giá vốn hàng bán                | 7.787.908.935 | 3.197.626.113 | 6.944.652.499 |
| 4   | Tổng lợi nhuận gộp                   | 20.799.894    | 9.141.788     | 30.602.991    |
| 5   | Tổng lợi nhuận trước thuế            | 20.528.289    | 8.677.788     | 30.314.686    |
| 6   | Thu nhập bình quân 1 lao động /tháng | 1.500.000     | 2.000.000     | 2.200.000     |
| 7   | Thuế và các khoản nộp NSNN           | 14.133.159    | 9.132.594     | 22.850.755    |
| 8   | Vốn kinh doanh bình quân             | 3.785.469.045 | 3.797.244.985 | 3.810.120.012 |

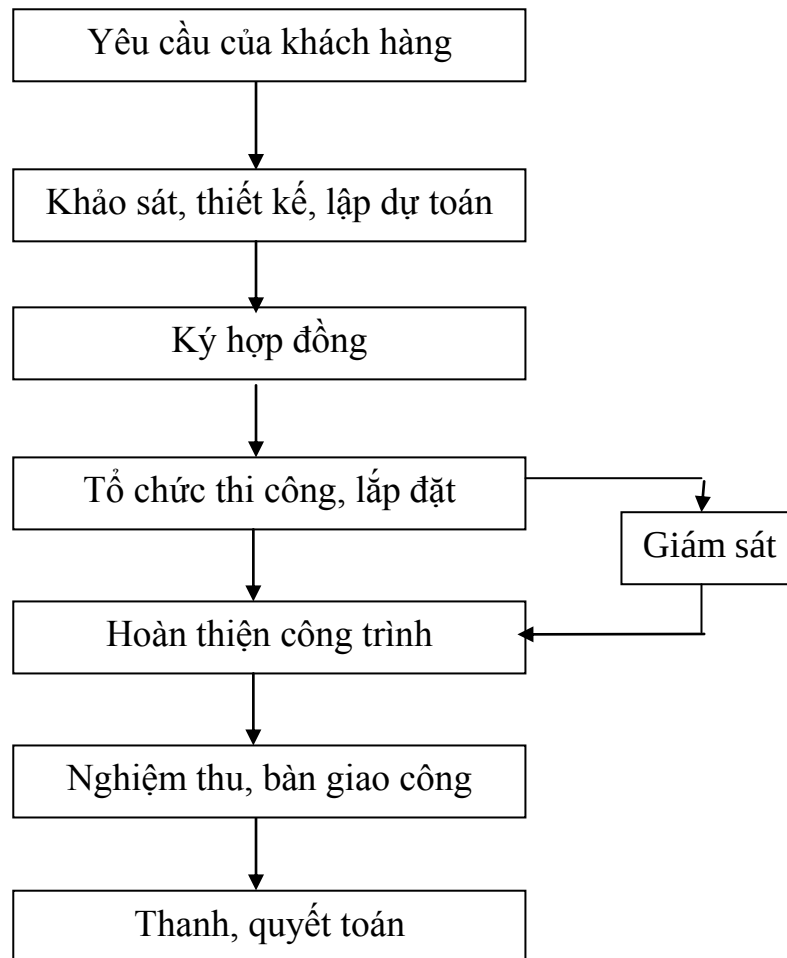
Cuối năm 2008 và 2009 kinh tế bước vào giai đoạn khủng hoảng trên phạm vi toàn thế giới. Rất nhiều tập đoàn và các Công ty lớn, nhỏ trên thế giới và trong nước đã phá sản. Không phải là một ngoại lệ, Công ty TNHH công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện & xây lắp cũng bị ảnh hưởng chịu sự tác động của khủng hoảng, chính vì vậy doanh thu có sự suy giảm trong năm 2008 và 2009 so với năm 2007. Nhưng đến năm 2009 Công ty đã lấy được đà, doanh thu tăng gấp đôi so với năm 2008. Tuy vẫn không bằng năm 2007 nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty và ngày càng tạo niềm tin cho khách hàng, hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với nhà nước. Công ty cũng chú trọng nâng cao thu nhập cho người lao động để khích lệ cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó Công ty ngày càng mở rộng quy mô, đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, đa dạng hoá các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập với thế giới hiện nay Công ty đang phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa về mọi mặt để xây dựng uy tín của mình trong nước và vươn tầm ra khu vực.

#### **2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

Sản phẩm của công ty là những hợp đồng lắp đặt thiết bị chịu áp lực và những dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất. Vì vậy đối tượng tính giá thành là những sản phẩm của từng đơn hàng cụ thể và đều có chung quy trình công nghệ. Quy trình công nghệ có vai trò vô cùng quan trọng. Nó không chỉ quyết định chất

lượng và năng suất mà nó còn quyết định cả việc quản lý hạch toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

**Sơ đồ 2.1: Quy trình thi công lắp đặt cụm trích hơi của Công ty.**



Trên cơ sở các khâu chủ yếu trên thì tùy thuộc vào mỗi công trình thì từng khâu đó lại được mở rộng ra thành những bước cụ thể.

Quy trình sản xuất sản phẩm này không phức tạp. Tuy nhiên do đặc điểm riêng có của sản phẩm mang tính kỹ thuật cao nên để thực hiện được quy trình này một cách tốt nhất thì Công ty phải có một đội ngũ cán bộ chuyên môn cao về kỹ thuật và tài chính.

Chính vì đặc điểm công nghệ như trên mà phương pháp tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được áp dụng trong Công ty là phương pháp theo đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, các chi phí phát sinh được tính dồn và tích lũy theo sản phẩm của từng đơn hàng giúp nhà quản trị biết được giá thành từng đơn hàng trên cơ sở so sánh các dự toán nhằm kiểm soát kịp thời chi phí phát sinh của Công ty. Trường hợp những chi phí chung cho nhiều công trình thì tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

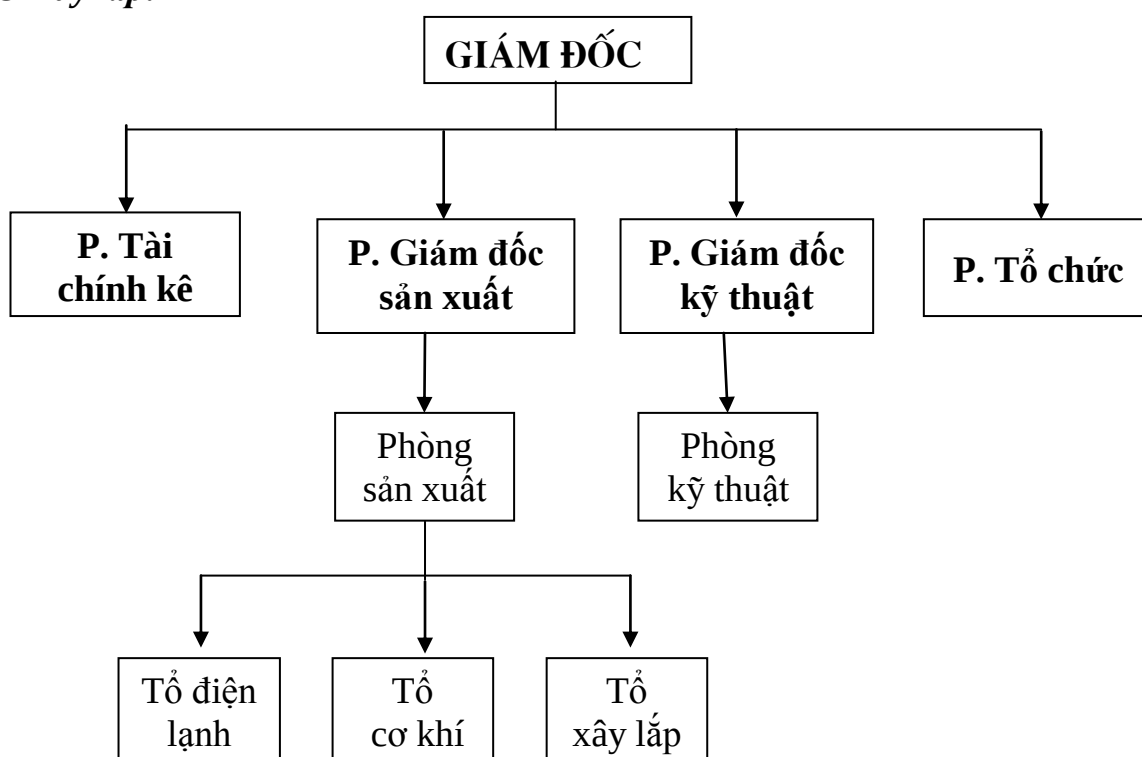
Các công trình thi công diễn ra ngoài phạm vi Công ty, có khi ở ngoài trời chịu sự tác động trực tiếp của các yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên và ngoài tầm kiểm soát của công ty. Vì vậy Công ty luôn phải theo dõi các chi phí phát sinh để tránh phát sinh các khoản hao hụt vật tư và tăng chi phí ngoài dự toán.

Như vậy đặc điểm về sản xuất và quy trình công nghệ là cơ sở khách quan cho việc tổ chức và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Nó có vai trò quan trọng trong công việc tạo nên tính đặc trưng trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.2:** *Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp.*



Công ty TNHH công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện & xây lắp là một đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân. Đứng đầu Công ty là Giám đốc chỉ đạo trực tiếp xuống từng phòng ban. Giúp việc cho Giám đốc là các phòng ban chức năng và các phòng nghiệp vụ.

**Giám đốc:** Là người đứng đầu bộ máy lãnh đạo của Công ty chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngoài việc ủy quyền cho các Phó giám đốc điều hành các công việc của Công ty, Giám đốc còn trực tiếp điều hành các phòng ban.

**Phó Giám đốc kỹ thuật:** Là người chịu trách nhiệm về kỹ thuật sản xuất, công nghệ sản xuất trong Công ty và chỉ đạo trực tiếp phòng kỹ thuật.

**Phó Giám đốc sản xuất:** Là người phụ trách toàn bộ công tác sản xuất và các dịch vụ gia công lắp đặt và chỉ đạo trực tiếp phòng sản xuất.

**Phòng kỹ thuật:** Có nhiệm vụ chuẩn bị về kỹ thuật cho sản xuất từ khâu thiết kế sản phẩm, quy trình công nghệ đến khâu nghiệm thu bàn giao.

**Phòng tài chính kế toán:** Thực hiện công tác hạch toán các chi phí sản xuất kinh doanh và lập báo cáo tài chính của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu về vốn, tình hình hiện có và sự biến động của các tài sản trong Công ty.

**Phòng tổ chức:** Phụ trách công tác nhân lực, và đưa ra các chính sách tuyển dụng. Và quản lý các văn bản đến, đi của Công ty.

**Phòng sản xuất:** Chịu trách nhiệm sản xuất và phụ trách các tổ để đảm bảo quá trình sản xuất sản phẩm diễn ra an toàn và hiệu quả.

**Tổ điện lạnh:** Có nhiệm vụ chuyên đảm nhận toàn bộ công việc liên quan đến ngành nhiệt lạnh...

**Tổ cơ khí:** Có nhiệm vụ gia công công tác cấu kiện cơ khí phục vụ cho đội xây lắp công trình và các sản phẩm trực tiếp nhận từ bên ngoài.

**Tổ xây lắp:** Xây dựng cơ bản trong các gói thầu thiết kế và thi công lắp đặt các hệ thống điện, hơi, thiết bị chịu áp lực...

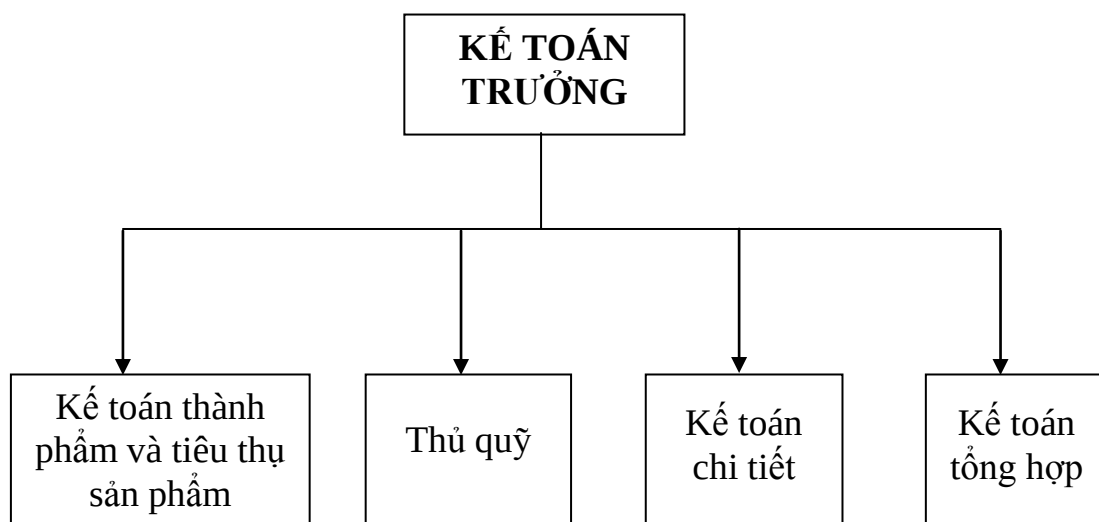
Cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất của Công ty có mối quan hệ mật thiết với nhau, giữa các bộ phận trong phòng ban luôn có sự trao đổi thông tin, các công việc được xử lý nhanh và chặt chẽ từ cấp chỉ đạo đến bộ phận thực hiện.

Việc phân chia chức năng nhiệm vụ rõ ràng đã giúp cho các thông tin được xử lý một cách triệt để.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán áp dụng tại công ty.**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp.**

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp.**



Để phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh đòi hỏi các Công ty phải tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế đơn vị mình.

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại văn phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý và gửi về phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán của đơn vị mình.

**Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, người điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính của Công ty.

**Kế toán tổng hợp:** Vừa giám sát việc thu - chi qua các chứng từ gốc vừa theo dõi và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, đồng thời theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng, thanh toán tạm ứng và thanh toán với ngân hàng. Bên cạnh đó còn tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Căn cứ vào các phiếu xuất

vật tư, bảng thanh toán lương, hợp đồng sản xuất, phiếu xuất kho thành phẩm...kế toán tiến hành tính toán, tập hợp chi phí. Từ đó xác định chính xác khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ, thực hiện tính giá thành. Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phụ trách các tài khoản 1541, 1542, 1543...

**Kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm:** Có nhiệm vụ theo dõi quá trình nhập xuất kho thành phẩm và xác định chính xác các kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Phụ trách các tài khoản 511, 642...

**Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của Công ty. Hàng ngày căn cứ vào các phiếu thu, chi ... hợp lệ để xuất hoặc nhập quỹ, ghi sổ quỹ.

**Kế toán chi tiết:** Phụ trách tài khoản 152, 153... hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Cuối tháng, tổng cộng số liệu, lập báo cáo nguyên vật liệu cùng với các bộ phận chức năng khác tiến hành kiểm kê lại kho vật tư. Đối chiếu với sổ sách kế toán. Nếu thiếu hụt sẽ phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý ghi trong “biên bản kiểm kê”. Và phụ trách tài khoản 111, 131, 141... và các sổ chi tiết của nó, cuối tháng lập bảng kê. Về việc thanh toán với ngân hàng thì kế toán chi tiết thực hiện toàn bộ những giao dịch thu chi, thanh toán với ngân hàng, phụ trách tài khoản 112, 311... và các sổ chi tiết, cuối tháng lập bảng kê.

Các thành viên của bộ máy kế toán tuy có nhiệm vụ khác nhau song giữa các bộ phận đó lại có sự kết hợp chặt chẽ mật thiết trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình.

#### **2.1.4.2.Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty.**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ tài chính về “chế độ kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ”

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

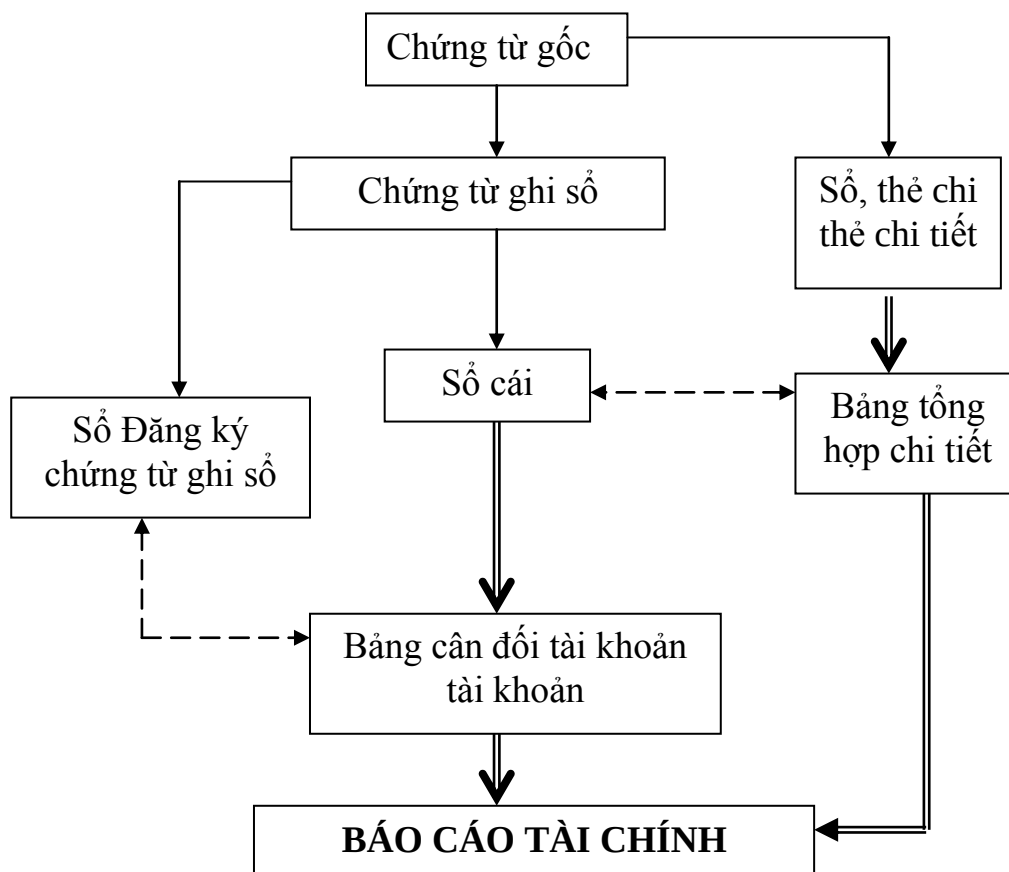
- Đơn vị tiền tệ hạch toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp xác định giá nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định theo giá gốc.

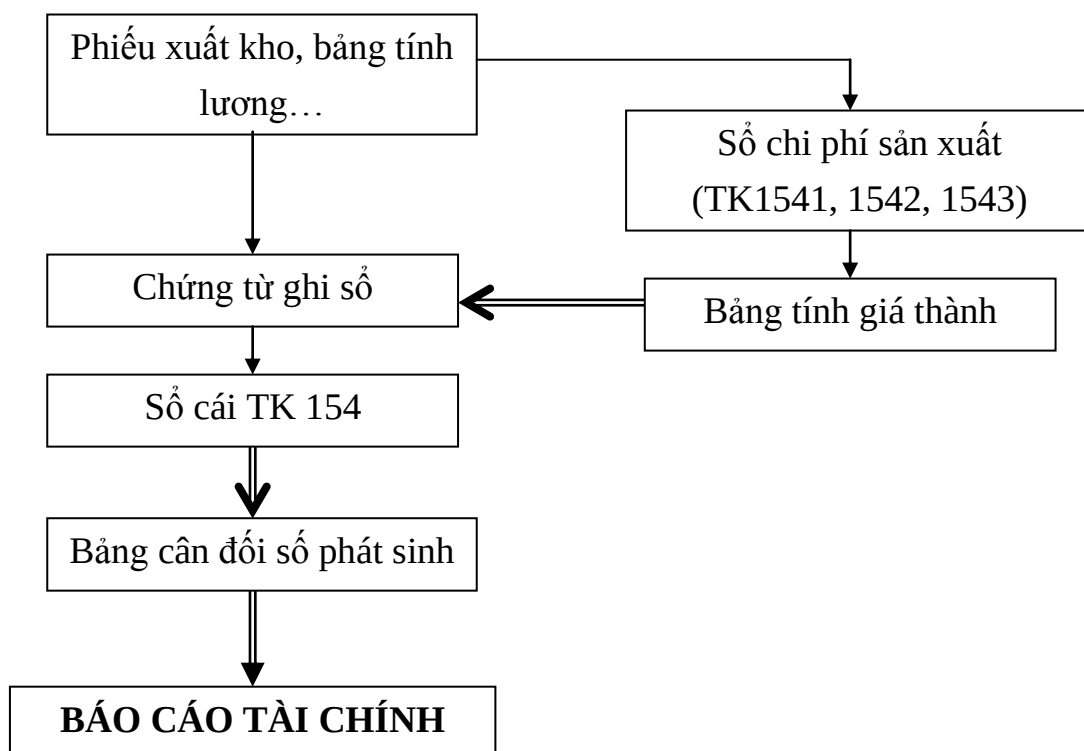
- Phương pháp xác định giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại công ty, Công ty áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tách rời việc ghi chép sổ kế toán theo trình tự thời gian và hệ thống hoá các nghiệp vụ theo tài khoản.
- Việc luân chuyển và lưu trữ chứng từ của công ty tuân thủ theo điều 40 chương 2 luật kế toán số 3/2003/QH 11 ngày 17 tháng 06 năm 2003 và các quy định của chế độ kế toán tài chính hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế đều được lập chứng từ sau khi đủ các yếu tố cơ bản và được kiểm tra vào sổ sách kế toán theo điều khoản 2 điều 22 luật kế toán.



**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ.**



**Ghi chú:**         $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$  Ghi định kỳ

$\longleftarrow \text{----} \longrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

### **2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tại Công ty.**

#### **2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.**

Chi phí sản xuất ở Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp được phân loại theo mục đích và công dụng, gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Là toàn bộ các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính (nồi hơi, sắt, thiết bị sử lý nước, ống thép...), nguyên vật liệu phụ (Đá mài, đinh mút, đá cắt, bu lông...)

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Gồm chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương...

- *Chi phí sản xuất chung*: Gồm các khoản chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ phân bổ cho công trình, chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ cho công trình, chi phí dịch vụ mua ngoài cho công trình và chi phí chung khác phân bổ cho công trình

#### **2.2.1.2. Phân loại giá thành sản phẩm.**

Giá thành sản phẩm là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định. Trong Công ty giá thành sản phẩm được phân thành giá thành dự toán và giá thành thực tế.

- Giá thành dự toán: Là tổng số chi phí dự toán để hoàn thành công trình.

- Giá thành thực tế: Là toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao công trình mà đơn vị đã thi công. Giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán.

## **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm:**

### **2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.**

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và đặc biệt quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty. Đối với Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp cũng vậy. Với đặc điểm kinh doanh của công ty là chế tạo, lắp đặt những thiết bị chịu áp lực và những dây chuyền phục vụ sản xuất theo đơn đặt hàng, do đó đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn hàng cụ thể.

Quá trình từ khi khởi công công trình đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là khoảng thời gian tương đối dài, nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại bao gồm nhiều công việc khác nhau. Vì vậy quá trình tập hợp chi phí kéo dài, chi phí không ổn định và phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công.

### **2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành.**

Việc tính giá thành trong Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp được áp dụng theo phương pháp đơn đặt hàng. Chính vì vậy nên đối tượng tính giá thành là sản phẩm cụ thể của từng đơn hàng.

## **2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm:**

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành.

Công ty chỉ tiến hành tính giá khi đơn hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không thống nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn hàng đến kỳ kế toán mà chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó đều coi là chi phí dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Còn những đơn hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó sẽ được tính vào giá thành sản xuất của đơn hàng.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm: Do đặc điểm loại hình sản xuất, sản phẩm của công ty là những đơn đặt hàng do vậy phương pháp tính giá thành sản

phẩm là phương pháp theo đơn đặt hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán chi phí phải được chi tiết hoá theo từng đơn đặt hàng.

#### **2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

##### **2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

**\* Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

- Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng:

Phiếu xuất kho

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Sổ chi phí sản xuất - TK1541,...

- Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng TK1541 để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kết cấu của tài khoản 1541 như sau:

| Nợ                                                                            | TK1541 | Có                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh cho công trình. |        | - Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.<br>- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào tài khoản tính giá thành |

**\* Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

Khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong giá thành sản phẩm của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp bao gồm các chi phí về vật liệu chính, vật liệu phụ được xuất dùng cho việc thực hiện đơn hàng.

Do đặc điểm riêng biệt của sản phẩm nên công ty không phải nhập kho tích trữ nguyên vật liệu đối với một số loại. Ví dụ như đối với “nồi hơi” là nguyên vật liệu chính của những hợp đồng thi công, lắp đặt nồi hơi thì chỉ khi nào có hợp đồng thì Công ty mới mua về nhập kho để chuẩn bị cho công trình hoặc tự chế tạo

luôn tại xưởng đối với những nồi hơi mà khách hàng có yêu cầu khác. Còn đối với những nguyên vật liệu khác thì cũng như các Công ty khác, Công ty luôn có sự theo dõi và tính toán cẩn thận để luôn đảm bảo luôn có nguyên vật liệu khi cần đến. Việc nhập xuất vật tư được theo dõi chặt chẽ thông qua mức tiêu hao do phòng kỹ thuật cấp.

Trình tự tiến hành xuất nguyên vật liệu được thực hiện như sau: Sau khi đơn hàng được ký kết căn cứ vào dự toán và yêu cầu thực tế của đơn hàng bộ phận sản xuất sẽ viết phiếu yêu cầu, kế toán căn cứ vào phiếu yêu cầu sẽ viết phiếu xuất kho và giao cho thủ kho xuất kho nguyên vật liệu (Công ty tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước). Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Một liên lưu gốc
- + Một liên giao cho bộ phận xin lĩnh vật tư
- + Một liên giao cho thủ kho để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán ghi sổ

Ví dụ: Ngày 03 tháng 03 năm 2009 căn cứ vào giấy đề nghị của bộ phận sản xuất và sự nhất trí của phòng kỹ thuật, kế toán viết phiếu xuất kho cho “đơn hàng số:06” - Lắp đặt cụm trích hơi cho Công ty TNHH may Việt Hàn.

**Biểu 2.1:**

CTY CÔNG NGHỆ CƠ-NHIỆT-ĐIỆN &amp; XÂY LẮP

**PHIẾU XUẤT KHO**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều

Niệm Nghĩa-Lê Chân -HP

Ngày 03 tháng 03 năm 2009

Nợ: 1541

số: 24

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: **Phạm Trường sơn** Địa chỉ (Bộ phận): **tổ trưởng sản xuất**

- Lý do xuất kho: xuất nguyên vật liệu - cho “đơn hàng số 06 “

- Xuất tại kho (ngăn lò): 01 -Kho nguyên vật liệu...Địa điểm..Tại công ty

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá     | Thành tiền         |
|-----|------------------------------------------|---------|----------|-------------|--------------------|
| 1   | Nồi đốt hơi than 1T/h                    | Bộ      | 1        | 132.000.000 | 132.000.000        |
| 2   | Tôn inox 0.3 sus 304                     | Kg      | 115      | 48.300      | 5.554.500          |
|     |                                          |         | 270      | 48.500      | 13.095.000         |
| 3   | Bông thủy tinh dạng tấm                  | m2      | 140      | 10.800      | 1.512.000          |
|     |                                          | m2      | 450      | 10.850      | 4.882.500          |
| 4   | Ống kẽm các cỡ                           | kg      | 387      | 16.000      | 6.192.000          |
| 5   | Van ren D25                              | Cái     | 4        | 115.000     | 460.000            |
| 6   | Cóc ngưng D25                            | Cái     | 5        | 150.000     | 750.000            |
| 7   | Van an toàn D15                          | Cái     | 2        | 160.000     | 320.000            |
| 8   | Ống thép các loại                        | kg      | 515      | 14.300      | 7.364.500          |
|     |                                          | kg      | 627      | 14.250      | 8.934.750          |
|     | <b>Cộng</b>                              |         |          |             | <b>181.065.250</b> |

**Tổng số tiền (viết bằng chữ):** Một trăm tám mươi mốt triệu, không trăm sáu mươi năm ngàn, hai trăm năm mươi đồng ./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày ...tháng ... năm 2009

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn tại: kho vật tư Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện &amp; xây lắp)

- Đơn giá xuất kho kế toán tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Phương pháp này phù hợp với tình hình thực tế của công ty vì nó hạn chế được sự biến động của giá cả thị trường. Giá trị xuất kho vật liệu được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{vật liệu xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế đơn vị} \\ \text{của vật liệu nhập} \\ \text{kho theo từng lần} \\ \text{nhập kho trước} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu xuất dùng} \\ \text{trong kỳ thuộc số lượng} \\ \text{từng lần nhập kho} \end{array}$$

Đối với những nguyên vật liệu mua về không nhập kho mà xuất ngay để phục vụ cho đơn hàng thì giá xuất là “giá nhập thực tế” của nguyên vật liệu đó.

Ví dụ: Với “tôn inox 0.3 sus 304”:

Ngày 28/02/2009 trong kho còn tồn 115kg “tôn inox 3.0 sus 304” với đơn giá 48.300đ/kg.

Ngày 01/03/2009 Công ty mua về nhập kho 350kg “tôn inox 3.0 sus 304” với đơn giá 48.500đ/kg.

Ngày 03/03/2009 xuất kho 386kg “tôn inox 3.0 sus 304” đơn giá được tính như sau:

→ 115kg theo đơn giá 48.300đ/kg

→ 270kg theo đơn giá 48.500đ/kg

- Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, Sổ chi phí sản xuất của TK 1541.

## **Biểu 2.2**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

# **SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản: 152

Tên quy cách vật liệu: Tôn inox 0.3 sus 304 - Đơn vị tính: Kg

Tên kho: Kho 01- Nguyên vật liệu

Quý I năm 2009

| Chứng từ |          | Diễn giải                                        | TK<br>đối<br>ứng | Đơn giá       | Nhập  |            | Xuất |            | Tồn        |                  |
|----------|----------|--------------------------------------------------|------------------|---------------|-------|------------|------|------------|------------|------------------|
| SH       | NT       |                                                  |                  |               | SL    | Thành tiền | SL   | Thành tiền | SL         | Thành tiền       |
| A        | B        | C                                                | D                | 1             | 2     | 3=1x2      | 4    | 5=1x4      | 6          | 7=1x6            |
|          |          | <b>Số dư đầu kỳ</b>                              |                  | <b>48.300</b> |       |            |      |            | <b>80</b>  | <b>3.864.000</b> |
| PN 06    | 7/1/2009 | Mua tôn inox 0.3 sus 304 nhập kho                | 111              | 48.300        | 250   | 12.075.000 |      |            | 330        | 15.939.000       |
| ...      | ...      | .....                                            |                  |               |       |            |      |            |            |                  |
| PN 25    | 1/3/2009 | Mua tôn inox 0.3 sus 304 nhập kho                | 112              | 48.500        | 350   | 16.975.000 |      |            | 465        | 22.529.500       |
| PX 24    | 3/3/2009 | Xuất tôn inox 3.0 sus 304 phục vụ đơn hàng số:06 | 1541             | 48.300        |       |            | 115  | 5.554.500  | 350        | 16.975.000       |
|          |          |                                                  | 1541             | 48.500        |       |            | 270  | 13.095.000 | 80         | 3.880.000        |
| ...      | ...      | .....                                            |                  |               |       |            |      |            |            |                  |
|          |          | Cộng số phát sinh                                |                  |               | 1.350 | 65.407.500 | 1244 | 64.130.500 | 106        | <b>5.141.000</b> |
|          |          | <b>Số dư cuối kỳ</b>                             |                  | <b>48.500</b> |       |            |      |            | <b>106</b> | <b>5.141.000</b> |

Ngày ... tháng ... năm 2009.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

(Trích “Sổ chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản ph” tại phòng kế toán công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.)



**Biểu 2.3**Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT**

TK 1541

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – Đơn hàng số 06

Từ ngày 01/03/2009 đến ngày 31/03/2009

| Ngày<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ ghi<br>số |       | Diễn giải                                     | TK<br>đối<br>ứng | Số tiền            |                    | Chia ra            |                   |
|-------------------------|--------------------|-------|-----------------------------------------------|------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
|                         | SH                 | NT    |                                               |                  | Nợ                 | Có                 | TK1521             | TK1522            |
|                         |                    |       | số dư đầu                                     |                  | -                  |                    |                    |                   |
|                         |                    |       | SPS                                           |                  |                    |                    |                    |                   |
| 03/03/2009              | PX24               | 03/03 | Xuất nguyên vật liệu phục vụ “đơn hàng số 06” | 152              | 181.065.250        |                    | 176.051.110        | 5.014.140         |
| .....                   | ....               | ....  | .....                                         |                  |                    |                    |                    |                   |
| 10/03/2009              | PX31               | 10/03 | Xuất nguyên vật liệu phục vụ “đơn hàng số 06” | 152              | 3.325.179          |                    | 3.325.179          |                   |
| .....                   |                    |       | .....                                         |                  |                    |                    |                    |                   |
| 31/03/2009              | PKT06              | 31/03 | Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng số:06”       | 632              |                    | 405.725.061        |                    |                   |
|                         |                    |       | <b>Cộng SPS</b>                               |                  | <b>405.725.061</b> | <b>405.725.061</b> | <b>384.581.048</b> | <b>21.144.031</b> |
|                         |                    |       | <b>Số dư cuối</b>                             |                  | -                  |                    |                    |                   |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích Sổ chi tiết chi phí sản xuất – TK1541 của “đơn hàng số:06” tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện &amp; xây lắp)

- Từ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán vào Bảng tổng hợp nguyên vật liệu

### **Biểu 2.4**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản : 152

Quý I năm 2009

| STT         | Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Số tiền          |                      |                      |                   |
|-------------|----------------------------------------------------|------------------|----------------------|----------------------|-------------------|
|             |                                                    | Tồn đầu kỳ       | Nhập trong kỳ        | Xuất trong kỳ        | Tồn cuối kỳ       |
| A           | B                                                  | 1                | 2                    | 3                    | 4                 |
| ....        | .....                                              |                  |                      |                      |                   |
| 9           | Tôn inox 0.3 sus 304                               | 3.864.000        | 65.407.500           | 60.271.800           | 5.141.000         |
| 10          | Bông thuỷ tinh dạng tấm                            | 1.620.000        | 27.000.000           | 23.976.000           | 4.644.000         |
| ...         | .....                                              |                  |                      |                      |                   |
| 21          | Ống kẽm các cỡ                                     | 1.120.000        | 10.864.000           | 11.024.000           | 960.000           |
| 22          | Van an toàn D15                                    | -                | 1.280.000            | 1.120.000            | 160.000           |
| ....        | .....                                              |                  |                      |                      |                   |
| <b>Cộng</b> |                                                    | <b>9.457.290</b> | <b>1.579.432.160</b> | <b>1.563.425.150</b> | <b>25.464.300</b> |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Trích “Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá” quý I tại phòng kế toán công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 24 kế toán vào chứng từ ghi sổ

**Biểu 2.5**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 165

Ngày 03 tháng 03 năm 2009

| Trích yếu                                     | số hiệu tài khoản |      | Số tiền     | Ghi chú |
|-----------------------------------------------|-------------------|------|-------------|---------|
|                                               | Nợ                | Có   |             |         |
| Xuất nguyên vật liệu phục vụ “đơn hàng số 06” | 1541              | 1521 | 176.051.110 |         |
|                                               |                   | 1522 | 5.014.140   |         |
| <b>Cộng</b>                                   |                   |      | 181.065.250 |         |

Kèm theo .... chứng từ gốc.

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

( Trích Chứng từ ghi sổ “số: 165” của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp )

Sau khi lập Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ của năm 2009. Các chứng từ ghi sổ sau khi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ mới được sử dụng để vào Sổ cái TK154 của quý I.

**Biểu 2.6**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN &amp; XÂY LẮP.

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

TK: 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Quý I năm 2009

| Ngày<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ ghi<br>số |       | Diễn giải                                                | SH<br>TK<br>đối<br>ứng | Số tiền              |                      | Ghi<br>chú |
|-------------------------|--------------------|-------|----------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------|
|                         | SH                 | NT    |                                                          |                        | Nợ                   | Có                   |            |
|                         |                    |       | số dư đầu kỳ                                             |                        | 235.429.113          |                      |            |
|                         |                    |       | SPS                                                      |                        |                      |                      |            |
|                         |                    |       | .....                                                    |                        |                      |                      |            |
| 03/03/2009              | 165                | 03/03 | Xuất nguyên vật liệu phục vụ “đơn hàng số:06” ngày 03/03 | 152                    | 181.065.250          |                      |            |
|                         |                    |       | .....                                                    |                        |                      |                      |            |
| 09/03/2009              | 189                | 09/03 | Xuất nguyên vật liệu ngày 09/03                          | 152                    | 215.143.276          |                      |            |
| 10/03/2009              | 192                | 10/03 | Xuất nguyên vật liệu ngày 10/03                          | 152                    | 68.425.500           |                      |            |
|                         |                    |       | .....                                                    |                        |                      |                      |            |
|                         |                    |       | <b>Cộng SPS</b>                                          |                        | <b>1.977.681.514</b> | <b>1.477.314.535</b> |            |
|                         |                    |       | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                     |                        | <b>735.796.092</b>   |                      |            |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK154 quý I của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện &amp; xây lắp)

#### **2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

**\* Hệ thống chứng từ tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:**

- Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng:

Bảng chấm công

Bảng thanh toán lương

Sổ chi phí sản xuất – TK1542

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ...

- Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng TK 1542 để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp. Kết cấu tài khoản 1542:

| Nợ                                                                      | TK1542 | Có                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------|
| - Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh cho công trình. |        | - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá |

**\* Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp là lương công nhân trực tiếp tham gia thực hiện đơn hàng. Thường mỗi đơn hàng Công ty thực hiện tại một nơi khác nhau có khi ở tận miền trung, miền nam vì vậy Công ty sẽ huy động luôn nhân công tại nơi đó. Công ty sẽ thuê họ làm việc và trả lương họ theo thời gian. Đội ngũ công nhân này sẽ làm việc dưới sự chỉ đạo của tổ trưởng sản xuất, giám sát và tổ phó sản xuất theo như thiết kế (đây là những nhân viên của Công ty). Ở mỗi công trình tổ trưởng sản xuất sẽ chịu trách nhiệm chấm công và tính lương luôn (với những công trình xa). Còn với những công trình gần thì tổ trưởng sẽ gửi bản chấm công về cho kế toán tính lương và thanh toán lương.

*Việc tính lương theo thời gian được tính theo công thức sau:*

$$\text{Lương thực lĩnh của người lao động} = \text{Lương một ngày} \times \text{Số ngày lao động thực tế}$$

Do lực lượng lao động này làm theo thời vụ chính vì vậy Công ty không tính các khoản trích theo lương cho họ. Riêng Giám sát công trình, Tổ trưởng sản xuất, Tổ phó sản xuất (là nhân viên của công ty) vẫn được tính các khoản trích theo lương và khoản này vẫn được tính vào TK1542. Tỷ lệ các khoản trích theo lương:

+ Bảo hiểm xã hội (BHXH): Được trích tổng là 20% trong đó 15% tính vào chi phí của doanh nghiệp, 5% thu của người lao động.

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): Được trích tổng là 3% trong đó 2% tính vào chi phí của doanh nghiệp, 1% thu của người lao động.

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): Được tính tổng là 2% trong đó 1% tính vào chi phí của doanh nghiệp còn 1% còn lại thu của người lao động nộp.

Ví dụ: Lương của nhân công trực tiếp tham gia “đơn hàng số:06” tháng 03 năm 2009.

Tổng số nhân công trực tiếp tham gia đơn hàng này là 36 người.:

1 giám sát công trình với mức lương một ngày là: 120.000đ

1 tổ trưởng sản xuất với mức lương một ngày là: 100.000đ

1 tổ phó sản xuất với mức lương một ngày là: 95.000đ

33 công nhân với mức lương một ngày là: 80.000đ

➔ Theo bảng thanh toán lương (**Biểu 2.7**) Tổng lương phải trả của nhân công trực tiếp tham gia “đơn hàng số:06” là: 62.375.000đ

Tổng số các khoản trích theo lương của nhân công trực tiếp tham gia “đơn hàng số:06” được tính vào chi phí nhân công trực tiếp là: 1.089.900đ.

## **Biểu 2.7**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

### **BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG CÔNG NHÂN SẢN XUẤT**

Công trình: Cung cấp lắp đặt cụm trích hơi máy Việt Hàn (LSX06)

Tháng 03 năm 2009

| TT | Họ và tên       | Chức vụ | Bậc lương ngày | Số công lao động | Tổng lương | Phụ cấp điện thoại, xăng xe | Phụ cấp tiền ăn ca | Phụ cấp khác | Các khoản trừ khác |           |           |           | Tổng lương thực lĩnh | Ký nhận |
|----|-----------------|---------|----------------|------------------|------------|-----------------------------|--------------------|--------------|--------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------|
|    |                 |         |                |                  |            |                             |                    |              | Trừ ứng            | BHXH (5%) | BHYT (1%) | BHTN (1%) |                      |         |
| 1  | P.Trường sơn    | TTSX    | 100.000        | 25               | 2.500.000  |                             |                    |              |                    | 125.000   | 25.000    | 25.000    | 2.325.000            |         |
| 2  | Bùi Duy Lợi     | GS      | 120.000        | 13               | 1.560.000  |                             |                    |              |                    | 78.000    | 15.600    | 15.600    | 1.450.800            |         |
| 3  | Trần Văn Hưng   | TPSX    | 95.000         | 21               | 1.995.000  |                             |                    |              |                    | 99.750    | 19.950    | 19.950    | 1.855.350            |         |
| 4  | Đinh Văn Trịnh  | CN      | 80.000         | 20               | 1.600.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.600.000            |         |
| 5  | Phùng M.Thắng   | CN      | 80.000         | 23               | 1.840.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.840.000            |         |
| 6  | N.Phúc Trường   | CN      | 80.000         | 23               | 1.840.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.840.000            |         |
| 7  | Vũ Văn Cường    | CN      | 80.000         | 20               | 1.600.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.600.000            |         |
|    | .....           |         | .....          | .....            | .....      |                             |                    |              |                    |           |           |           |                      |         |
| 33 | N.Văn Điệp      | CN      | 80.000         | 20               | 1.600.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.600.000            |         |
| 34 | Nguyễn Văn Bảy  | CN      | 80.000         | 20               | 1.600.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.600.000            |         |
| 35 | Phạm Quang Long | CN      | 80.000         | 24               | 1.920.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.920.000            |         |
| 36 | N.Thanh Hà      | CN      | 80.000         | 24               | 1.920.000  |                             |                    |              |                    |           |           |           | 1.920.000            |         |
|    | <b>Cộng</b>     |         |                |                  | 62.375.000 |                             |                    |              |                    | 302.750   | 60.550    | 60.550    | 61.951.150           |         |

Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi mốt ngàn, một trăm mười năm ngàn đồng./.

Ngày ... tháng ... năm 2009.

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán**  
(Ký, họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

(Trích bảng thanh toán lương LSX06 tháng 03 của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương kế toán vào Sổ chi phí sản xuất – TK1542.

**Biểu 2.8**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT**

TK1542

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp – Đơn hàng số:06

Từ ngày 01/30/2009 đến ngày 31/03/2009

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |       | Diễn giải                                                                      | TK đối ứng | Số tiền           |                   | Chia ra          |                   |               |                |               |
|-------------------|----------|-------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|-------------------|------------------|-------------------|---------------|----------------|---------------|
|                   | SH       | NT    |                                                                                |            | Nợ                | Có                | TK3341           | TK3348            | TK3382        | TK3383         | TK3384        |
|                   |          |       | số dư đầu                                                                      |            | -                 |                   |                  |                   |               |                |               |
|                   |          |       | SPS                                                                            |            |                   |                   |                  |                   |               |                |               |
| 28/03/2009        | LSX06    | 28/03 | Tính lương cho nhân công trực tiếp tham gia “đơn hàng 06”                      | 334        | 62.375.000        |                   | 5.055.000        | 57.320.000        |               |                |               |
| 28/03/2009        | TTL06    | 28/03 | Tính các khoản trích theo lương cho nhân công trực tiếp tham gia “đơn hàng 06” | 338        | 1.089.900         |                   |                  |                   | 60.550        | 121.100        | 908.25        |
| 31/03/2009        | PKT06    | 31/03 | Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng 06”                                           | 632        |                   | 63.464.900        |                  |                   |               |                |               |
|                   |          |       | <b>Cộng SPS</b>                                                                |            | <b>63.464.900</b> | <b>63.464.900</b> | <b>5.055.000</b> | <b>57.320.000</b> | <b>60.055</b> | <b>121.100</b> | <b>908.25</b> |
|                   |          |       | <b>Số dư cuối</b>                                                              |            | -                 |                   |                  |                   |               |                |               |

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Nguồn tại phòng kế toán của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

**Kế toán trưởng**

( ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



- Căn cứ vào Bảng thanh toán lương kế toán vào chứng từ ghi sổ

**Biểu 2.9**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 227

Ngày 28 tháng 03 năm 2009

| Diễn giải                                                    | số hiệu tài khoản |     | Số tiền           |
|--------------------------------------------------------------|-------------------|-----|-------------------|
|                                                              | Nợ                | có  |                   |
| Tính lương cho công nhân trực tiếp tham gia “đơn hàng số 06” | 1542              | 334 | 62.375.000        |
|                                                              | 1542              | 334 | 1.089.900         |
| <b>Cộng</b>                                                  |                   |     | <b>63.464.900</b> |

Kèm theo ... chứng từ gốc.

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp )

Sau đó kế toán nhập số liệu vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009. Khi đã vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Chứng từ ghi sổ mới được sử dụng để vào Sổ cái TK154 quý I.

**Biểu 2.10**Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.20/03

**SỔ CÁI**

TK: 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang  
Quý I năm 2009

| Ngày tháng<br>ghi sổ | Chứng từ<br>ghi sổ |       | Diễn giải                                                                    | SH TK<br>đối ứng | Số tiền              |                      | Ghi<br>chú |
|----------------------|--------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|----------------------|------------|
|                      | SH                 | NT    |                                                                              |                  | Nợ                   | Có                   |            |
|                      |                    |       | <b>số dư đầu kỳ</b>                                                          |                  | <b>235.429.113</b>   |                      |            |
|                      |                    |       | SPS                                                                          |                  |                      |                      |            |
|                      |                    |       | .....                                                                        |                  |                      |                      |            |
| 28/03/2009           | 227                | 28/03 | Tính lương cho nhân công trực tiếp tham gia đơn hàng 06                      | 334              | 62.375.000           |                      |            |
| 28/03/2009           | 228                | 28/03 | Tính các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp tham gia đơn hàng 06 | 338              | 1.089.900            |                      |            |
|                      |                    |       | .....                                                                        |                  |                      |                      |            |
| 31/03/2009           | 295                | 31/03 | Tính lương cho nhân công trực tiếp tham gia đơn hàng 05                      | 334              | 86,216,720           |                      |            |
|                      |                    |       | .....                                                                        |                  |                      |                      |            |
|                      |                    |       | <b>Cộng SPS</b>                                                              |                  | <b>1.977.681.514</b> | <b>1.477.314.535</b> |            |
|                      |                    |       | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                                         |                  | <b>735.796.092</b>   |                      |            |

Ngày ...tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK154 quý I của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện &amp; xây lắp)

#### 2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.

**\* Hệ thống chứng từ và sổ sách và tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung.**

- Chứng từ sử dụng:

Hoá đơn GTGT

Bảng tính và phân bổ khấu hao

Sổ chi phí sản xuất –TK1543

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ....

- Tài khoản sử dụng: TK 1543: Chi phí sản xuất chung, Kết cấu TK1543:

| Nợ                                                                 | TK1543 | Có                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh cho công trình. |        | - Các khoản làm giảm chi phí sản xuất chung.<br>- Phân bổ và kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản tính giá thành |

**\* Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Các chi phí này được phân bổ thích hợp cho từng đơn hàng theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh cho đơn hàng theo dự toán.

Chi phí dịch vụ mua ngoài xuất thẳng cho đơn hàng

Đối với chi phí này kế toán không phải phân bổ, mà của công trình nào kế toán tiến hành tập hợp riêng cho từng công trình đó. Đa phần những chi phí trên phát sinh trong quá trình thi công tại công trường tổ trưởng thanh toán luôn và tập hợp hóa đơn về đưa lại cho kế toán hạch toán.

Ví dụ: Đối với “đơn hàng 06”

Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài xuất thẳng là: 10.000.000 đ

**Biểu 2.11**

| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                                              |                                                            |                       |                 | NL/ 2009B                |            |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|------------|
| Liên 2: Giao cho khách hàng                                          |                                                            |                       |                 | 0076404                  |            |
| Ngày 01 tháng 03 năm 2009                                            |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM vận tải Chung Hiếu.                 |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Địa chỉ: Số 28/2 – Đường Mới – Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng.    |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Số tài khoản: .....                                                  |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Điện thoại:                      MS : 0200739711                     |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Họ tên người mua hàng: .....                                         |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp       |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Địa chỉ: Cụm 9 – Quán Trữ Kiến – An – Hải Phòng                      |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Số tài khoản:                                                        |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Hình thức thanh toán: Tiền mặt. MS: 0200415717                       |                                                            |                       |                 |                          |            |
| STT                                                                  | Tên hàng hoá, dịch vụ                                      | Đơn vị tính           | Số lượng        | Đơn giá                  | Thành tiền |
| A                                                                    | B                                                          | C                     | 1               | 2                        | 3=1x2      |
| 1                                                                    | Cước vận chuyển thiết bị từ Đông Anh (Hà Nội) -> Hải Phòng | Chuyến                | 1               | 5.000.000                | 5.000.000  |
|                                                                      |                                                            |                       |                 |                          |            |
|                                                                      |                                                            |                       |                 |                          |            |
|                                                                      |                                                            |                       |                 |                          |            |
| Cộng tiền hàng:                                                      |                                                            |                       |                 |                          | 5.000.000  |
| Thuế suất GTGT: 10%                                                  |                                                            |                       | Tiền thuế GTGT: |                          | 500.000    |
| Tổng cộng thanh toán:                                                |                                                            |                       |                 |                          | 5.500.000  |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn ./.</i> |                                                            |                       |                 |                          |            |
| <b>Người mua hàng</b>                                                |                                                            | <b>Người bán hàng</b> |                 | <b>Thủ trưởng đơn vị</b> |            |
| (Ký, họ tên)                                                         |                                                            | (Ký, họ tên)          |                 | (ký, đóng dấu, họ tên)   |            |

(Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

Từ hoá đơn giá trị gia tăng kế toán vào sổ chi phí sản xuất – TK1543, sau đó hoá đơn giá trị gia tăng mới được sử dụng để vào chứng từ ghi sổ,

### **Biểu 2.12**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 158

Ngày 01 tháng 03 năm 2009

| Diễn giải               | số hiệu tài khoản |       | Số tiền           |
|-------------------------|-------------------|-------|-------------------|
|                         | Nợ                | có    |                   |
| Chi tiền mặt ngày 01/03 | 1543              | 111   | 5.000.000         |
|                         | 1331              | 111   | 500.000           |
|                         | .....             | ..... | .....             |
|                         | 642               | 111   | 235.000           |
| <b>Cộng</b>             |                   |       | <b>14.325.000</b> |

Kèm theo .... chứng từ gốc.

Ngày... tháng ... năm 2009

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Trích Chứng từ ghi sổ “Số: 158” của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp )

Sau khi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009, Chứng từ ghi sổ này mới được sử dụng để vào sổ cái TK154 quý I.

### **Chi phí nhân viên phân xưởng.**

Chi phí nhân viên phân xưởng phản ánh chi phí về lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên phân xưởng (quản đốc, thủ kho....) và các khoản trích theo lương của họ. Cũng tương tự như lương nhân công trực tiếp, lương của nhân viên phân xưởng tính theo thời gian. *Và được tính theo công thức*

$$\text{Lương thực lĩnh} = \text{Lương cơ bản} - \frac{\text{Lương cơ bản}}{26} \times \text{Số ngày nghỉ}$$

Ví dụ: Lương cơ bản của nhân viên quản lý phân xưởng là: 2.500.000đ. Trong tháng 03/2009 nhân viên quản lý phân xưởng là anh “Nguyễn Văn Tuấn” có số công lao động là 24 công. Vậy lương phải trả cho anh Tuấn trong tháng 03 là:

$$2.500.000 - \frac{2.500.000}{24} \times 2 = 2.307.692đ$$

Tổng lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên phân xưởng trong quý I năm 2009 là: 49.830.924đ.

Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ cho đơn hàng

Là những chi phí về công cụ dụng cụ được phân bổ cho từng đơn hàng. Công cụ dụng cụ của Công ty gồm: máy hàn, máy đục, máy khoan... Công cụ dụng cụ không phân biệt giá trị, khi mua về kế toán đều tính phân bổ đều trong 2 năm. Vì vậy kế toán tiến hành treo trên TK242 sau đó phân bổ dần cho từng quý.

Tổng chi phí công cụ dụng cụ phát sinh trong quý I năm 2009 là: 5.517.340đ

Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Chi phí này phản ánh khấu hao tài sản cố định thuộc phân xưởng sản xuất: Nhà xưởng, máy hàn, máy tiện, máy ren... Hàng tháng Công ty đều tiến hành trích khấu hao tài sản cố định và tiến hành phân bổ cho các đơn hàng.

Tài sản cố định của Công ty được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo khung quy định của quyết định số 206/2003/QĐ-BTC. Tài sản cố định được tính theo giá trị ở thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng (nguyên giá):

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

VD: “Máy hàn TIG” có nguyên giá là: 15.000.000đ số năm sử dụng là 6 năm vậy mức khấu hao tháng được tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{15.000.000}{6 \times 12} = 208.333đ$$

### **Biểu 2.13**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 03 năm 2009

Loại tài sản: 211 – Tài sản cố định hữu hình

| Tên TSCĐ                      | Ngày sử dụng | Nguyên giá           | Số năm khấu hao | Số khấu hao tháng | ghi có TK 214/ghi nợ các TK... |      |     |
|-------------------------------|--------------|----------------------|-----------------|-------------------|--------------------------------|------|-----|
|                               |              |                      |                 |                   | 6274                           | 6424 | ... |
| Nhà xưởng sản xuất chính 01   | 7/1/2003     | 425.051.071          | 12              | 2.951.744         | 2.951.744                      |      |     |
| Nhà xưởng mới 02              | 9/1/2004     | 100.209.602          | 12              | 695.900           | 695.900                        |      |     |
| Tường bao quanh xưởng         | 2/1/2005     | 28.984.719           | 12              | 201.283           | 201.283                        |      |     |
| Nhà xưởng sản xuất số 03      | 10/1/2006    | 188.702.084          | 12              | 1.310.431         | 1.310.431                      |      |     |
| .....                         |              |                      |                 |                   |                                |      |     |
| <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> |              | <i>781.067.767</i>   |                 | <i>5.477.027</i>  | <i>5.477.027</i>               |      |     |
| Máy hàn TIG                   | 2/1/2004     | 15.000.000           | 6               | 208.333           | 208.333                        |      |     |
| Máy tiện cũ                   | 9/1/2004     | 60.000.000           | 9               | 555.556           | 555.556                        |      |     |
| Máy ren ống to                | 7/1/2005     | 13.000.000           | 5               | 216.667           | 216.667                        |      |     |
| Máy lốc tôn                   | 2/1/2006     | 50.000.000           | 5               | 833.333           | 833.333                        |      |     |
| Máy phay kim loại             | 8/1/2007     | 49.000.000           | 5               | 816.667           | 816.667                        |      |     |
| Máy xoa mặt bê tông           | 11/1/2007    | 13.809.524           | 4               | 287.698           | 287.698                        |      |     |
| <i>Máy móc, thiết bị</i>      |              | <i>200.809.524</i>   |                 | <i>2.918.254</i>  | <i>2.918.254</i>               |      |     |
| .....                         |              |                      |                 |                   |                                |      |     |
| <b>Tổng cộng</b>              |              | <b>1.532.885.359</b> |                 | <b>14.670.294</b> | <b>14.670.294</b>              |      |     |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định tháng 03 năm 2009 của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp )

➔ Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định quý I là: 44.010.882đ

#### **Chi phí chung khác.**

Chi phí này là các khoản chi phí khác chung cho nhiều đơn hàng và phải tiến hành phân bổ (điện, nước, ...)

Tổng chi phí chung khác trong quý I là: 2.721.529đ

## **Biểu 2.14**

### **HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT**

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Mẫu số: 01GTKT - 2LN - 01

ID: 168354

Ký hiệu: BA/2008T

Số: 1904024

Công ty TNHH MTV điện lực HP

Kỳ: 1

Từ ngày 14/02 đến ngày 16/03/2009

Điện lực: Lê Chân

MST:0200340211

Phiên: 5

Địa chỉ: 185 - Tô Hiệu - HP

Số GCS: LC152-089

Số hộ: 1

Điện thoại: 0312212217

Tài khoản: 102010000207186 Công thương Lê Chân

Tên và địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp

Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa

MSTKH: 0200415717

Mã KH: 900061838

Số công tơ: 005769

| Chỉ số mới                                        | Chỉ số cũ | Hệ số nhân                     | Điện TT | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------------------------------------------|-----------|--------------------------------|---------|---------|------------|
| 152971                                            | 149213    | 1                              | 3758    |         |            |
| Ngày: 17/03/2009<br>TUQ Giám Đốc<br>Đinh Xuân Bút |           | Tr. Đó                         | 3758    | 1.281   |            |
|                                                   |           | Cộng                           | 3758    | 1.281   | 4.813.998  |
|                                                   |           | Thuế suất GTGT: 10%. Thuế GTGT |         |         | 481.302    |
|                                                   |           | Tổng cộng tiền thanh toán      |         |         | 5.295.300  |

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng chẵn/.

Được phát hành theo công văn số 1906/ CT- HCAC ngày 15/12/2008 của cục thuế Hải Phòng.

( Nguồn tại phòng kế toán công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện kế toán viết phiếu chi (**Biểu 2.15**)



## **Biểu 2.15**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU CHI**

Nợ: 1543

Ngày :18/03/2009

Có: 111

Số : 75

Họ và tên người nhận tiền: Đỗ thị Hà

Địa chỉ : Phòng Kế toán

Lý do chi : Chi tiền điện và tiền thuế GTGT tháng 03/2009

Số tiền : 5.295.300VND

Số tiền bằng chữ : Năm triệu, hai trăm chín mươi lăm, ba trăm tám mươi tư đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu, hai trăm chín mươi lăm, ba trăm tám mươi tư đồng./.

Ngày ....tháng ....năm 2009

**Giám đốc**

**KT trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người lập phiếu**

**Người nhận tiền**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp)

Từ phiếu chi, kế toán vào sổ chi phí sản xuất-TK1543 “số:06”. Sau khi vào sổ chi phí sản xuất phiếu chi được sử dụng để vào Chứng từ ghi sổ, vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009 .

### **Biểu 2.16**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 189

Ngày 18 tháng 03 năm 2009

| Diễn giải               | số hiệu tài khoản |     | Số tiền           |
|-------------------------|-------------------|-----|-------------------|
|                         | Nợ                | Có  |                   |
| Chi tiền mặt ngày 18/03 | 1543              | 111 | 4.813.909         |
|                         | 1331              | 111 | 481.302           |
|                         | ...               | ... | ....              |
| <b>Cộng</b>             |                   |     | <b>26.127.950</b> |

Kèm theo ... chứng từ gốc

Hải Phòng, Ngày... tháng ... năm 2009

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích Chứng từ ghi sổ “số:189” của phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện)

Sau khi đã vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, chứng từ ghi sổ này được sử dụng để vào sổ cái TK154 quý I.

### **Biểu 2.17**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.20/03

## **SỔ CÁI**

TK: 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang  
Quý I năm 2009

| Ngày tháng<br>ghi sổ | Chứng từ<br>ghi sổ |       | Diễn giải                      | SH<br>TK<br>đối<br>ứng | Số tiền              |                      | Ghi<br>chú |
|----------------------|--------------------|-------|--------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------|
|                      | SH                 | NT    |                                |                        | Nợ                   | Có                   |            |
|                      |                    |       | <b>số dư đầu kỳ</b>            |                        | <b>235.429.113</b>   |                      |            |
|                      |                    |       | SPS                            |                        |                      |                      |            |
|                      |                    |       | .....                          |                        |                      |                      |            |
| 01/03/2009           | 158                | 01/03 | Chi tiền mặt ngày 01/03        | 111                    | 5.000.000            |                      |            |
|                      |                    |       | .....                          |                        |                      |                      |            |
| 18/03/2009           | 189                | 18/03 | Chi tiền mặt ngày 18/03        | 111                    | 4.813.909            |                      |            |
|                      |                    |       | .....                          |                        |                      |                      |            |
| 31/03/2009           | 298                | 31/03 | Trích khấu hao tài sản cố định | 214                    | 14.670.294           |                      |            |
|                      |                    |       | .....                          |                        |                      |                      |            |
|                      |                    |       | <b>Cộng SPS</b>                |                        | <b>1.977.681.514</b> | <b>1.477.314.535</b> |            |
|                      |                    |       | <b>Số dư cuối kỳ</b>           |                        | <b>735.796.092</b>   |                      |            |

Ngày ...tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK154 quý I của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

**\* Tập hợp chi phí sản xuất chung.**

Sau khi xác định được tất cả chi phí sản xuất chung trong quý, kế toán tiến hành tập hợp, phân bổ cho từng đơn hàng theo tiêu thức nguyên vật liệu trực tiếp của từng đơn hàng theo dự toán.

*Công thức phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đơn hàng.*

|                                 |   |                                           |   |               |
|---------------------------------|---|-------------------------------------------|---|---------------|
| Chi phí chung cho từng đơn hàng | = | Chi phí chung thực tế phát sinh trong quý | x | Tỷ lệ phân bổ |
|---------------------------------|---|-------------------------------------------|---|---------------|

|               |   |                                                                          |
|---------------|---|--------------------------------------------------------------------------|
| Tỷ lệ phân bổ | = | Tổng chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong quý của đơn hàng theo dự toán |
|               |   | Tổng chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong quý theo dự toán              |

Tổng chi phí sản xuất chung phát sinh trong quý I là: 102.080.675đ

Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong quý I năm 2009 theo dự toán là: 1.563.425.150đ

Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của “đơn hàng số 06” phát sinh theo dự toán: 405.725.061đ

➔ Chi phí sản xuất chung phân bổ cho đơn hàng số 06 là:

$$\frac{102.080.067}{1.563.425.150} \times 405.725.061 = 26.490.798\text{đ}$$

**Biểu 2.18**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Đơn hàng số:06 (PB06)

| STT | Chỉ tiêu                         | Tổng chi phí cần phân bổ | Tỷ lệ phân bổ | Số tiền    |
|-----|----------------------------------|--------------------------|---------------|------------|
| 1   | Chi phí nhân viên phân xưởng     | 49.830.924               | 0,26          | 12.931.642 |
| 2   | Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ  | 5517340                  | 0,26          | 1.431.807  |
| 3   | Chi phí khấu hao tài sản cố định | 44010882                 | 0,26          | 11.421.281 |

|   |                    |             |      |            |
|---|--------------------|-------------|------|------------|
| 4 | Chi phí chung khác | 2721529     | 0,26 | 706.265    |
|   | <b>Tổng</b>        | 102.080.675 |      | 26.490.995 |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Trích Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung quý I của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

Sau khi đã Lập được bảng phân bổ chi phí kế toán vào Sổ chi phí sản xuất-  
TK: 5413 “số:06”

**Biểu 2.19**Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT**

TK1543

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung – Đơn hàng số:06

Từ ngày 01/03/2009 đến ngày 31/03/2009

| Ngày<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ |       | Diễn giải                                       | TK<br>đối<br>ứng | Số tiền           |                   | Chia ra              |                                     |                                |                             |                          |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
|                         | SH       | NT    |                                                 |                  | Nợ                | Có                | Chi phí<br>mua ngoài | Chi phí<br>lương<br>nhân viên<br>PX | Chi phí<br>công cụ,<br>dụng cụ | Chi phí<br>khấu hao<br>TSCĐ | Chi phí<br>chung<br>khác |
|                         |          |       | số dư đầu                                       |                  | -                 |                   |                      |                                     |                                |                             |                          |
|                         |          |       | SPS                                             |                  |                   |                   |                      |                                     |                                |                             |                          |
| 01/0302009              | 0076404  | 01/03 | Thanh toán cước vận<br>chuyên nôi hơi           | 111              | 5.000.000         |                   | 5.000.000            |                                     |                                |                             |                          |
|                         |          |       | .....                                           |                  |                   |                   |                      |                                     |                                |                             |                          |
| 31/03/2009              | PB06     | 31/03 | Phân bổ chi phí sản xuất<br>chung quý I         |                  | 26.490.798        |                   |                      | 12.931.623                          | 1.431.805                      | 11.421.106                  | 706.264                  |
| 31/03/2009              | PKT06    | 31/03 | Đơn hàng hoàn thành, bàn<br>giao cho khách hàng | 632              |                   | 36.490.798        |                      |                                     |                                |                             |                          |
|                         |          |       | <b>Cộng SPS</b>                                 |                  | <b>36.490.798</b> | <b>36.490.798</b> | <b>10.000.000</b>    | <b>12.931.623</b>                   | <b>1.431.805</b>               | <b>11.421.106</b>           | <b>706.264</b>           |
|                         |          |       | <b>Số dư cuối</b>                               |                  | -                 |                   |                      |                                     |                                |                             |                          |

Ngày... tháng ... năm 2009

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ chi phí sản xuất – TK1543 “số 06” của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện &amp; xây lắp)

#### 2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

##### **\* Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.**

- Hệ thống chứng từ và sổ sách sử dụng:

Bảng tính giá thành

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Sổ cái TK154..

- Tài khoản sử dụng: TK 154: “Chi phí sản xuất hình doanh dở dang” kết cấu của TK 154 là:

| Nợ                                        | TK154 | Có                                          |
|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------|
| - Tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh     |       | - Các khoản làm giảm chi phí sản xuất.      |
| - SD: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang |       | - Giá thành sản phẩm, công trình hoàn thành |

##### **\* Đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty.**

Công ty tiến hành tính giá khi đơn hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không thống nhất với kỳ báo cáo (quý). Đối với những đơn hàng đến kỳ báo cáo mà chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó đều coi là chi phí dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Còn những đơn hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó sẽ được tính vào giá thành sản xuất của đơn hàng.

##### **\* Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

- Toàn bộ chi phí phát sinh (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) đã được tập hợp vào sổ chi tiết các tài khoản (1541, 1542, 1543) của từng đơn hàng. Khi đơn hàng hoàn thành, bàn giao cho khách hàng, kế toán tiến hành cộng tổng số chi phí phát sinh trên Sổ chi phí để lập thẻ tính giá thành cho đơn hàng.

- Đối với đơn hàng nào kỳ trước chưa hoàn thành thì

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn} \\ \text{hàng hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí dở dang đầu} \\ \text{kỳ của đơn hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ của} \\ \text{đơn hàng} \end{array}$$

Ví dụ: Với “đơn hàng số:06” bắt đầu từ ngày 01/03/2009 đến ngày 31/03/2009. Khi đơn hàng hoàn thành tiến hành thanh quyết toán hợp đồng và bàn giao cho khách hàng, căn cứ vào các Sổ chi phí sản xuất của đơn hàng kế toán tiến hành lập Thẻ tính giá thành cho “đơn hàng số:06”

### **Biểu 2.20**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **THẺ TÍNH GIÁ THÀNH ĐƠN HÀNG**

Đơn hàng số:06 - Lắp đặt cụm trích hơi cho Công ty TNHH may Việt Hàn.

Từ ngày 01/03/2009 đến ngày 31/03/2009

| Khoản mục chi phí                    | Chi phí sản xuất<br>dở dang đầu kỳ | Chi phí sản xuất<br>phát sinh trong kỳ | Tổng giá thành sản<br>phẩm xây lắp |
|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|
| 1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp |                                    | 405.725.061                            | 405.725.061                        |
| 2. Chi phí nhân công trực tiếp       |                                    | 63.464.900                             | 63.464.900                         |
| 3. Chi phí sản xuất chung            |                                    | 36.490.798                             | 36.490.789                         |
| <b>Cộng</b>                          |                                    | 505.680.759                            | 505.680.759                        |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)  
Sau đó kế toán tiến hành kết chuyển sang TK632 để xác định giá vốn.



### **Biểu 2.21**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **PHIẾU KẾ TOÁN**

số:06 (PKT06)

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

| Nội dung                             | TK Nợ | TK Có | Số tiền     | Chi tiết TK |       |             |
|--------------------------------------|-------|-------|-------------|-------------|-------|-------------|
|                                      |       |       |             | TK Nợ       | TK Có | Số tiền     |
| Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng 06” | 632   | 154   | 505.680.759 | 1541        | 632   | 405.725.061 |
|                                      |       |       |             | 1542        | 632   | 63.464.900  |
|                                      |       |       |             | 1543        | 632   | 36.490.798  |
| <b>Cộng</b>                          |       |       | 505.680.759 |             |       | 505.680.759 |

Ngày ...tháng ... năm 2009

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

Phiếu kế toán này được sử dụng vào Sổ chi phí sản xuất các TK1541, 1542, 1543, Chứng từ ghi sổ.

### **Biểu 2.22**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 302

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

| Diễn giải                               | số hiệu tài khoản |     | Số tiền     |
|-----------------------------------------|-------------------|-----|-------------|
|                                         | Nợ                | có  |             |
| Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng số:06” | 154               | 632 | 505.680.759 |
| <b>Cộng</b>                             |                   |     | 505.680.759 |

Kèm theo ... chứng từ gốc.

Ngày... tháng... năm 2009

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn tại phòng kế toán Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện & xây lắp)

Sau khi lập Chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009.

### **Biểu 2.23**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.20/03/

## **SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2009.

| <b>Chứng từ ghi sổ</b> |                    | <b>Số tiền</b>        |
|------------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Số hiệu</b>         | <b>Ngày, tháng</b> |                       |
| .....                  | .....              | .....                 |
| 158                    | 01/03/2009         | 14.325.000            |
| .....                  | .....              | .....                 |
| 165                    | 03/03/2009         | 186.079.390           |
| .....                  | .....              | .....                 |
| 189                    | 18/03/2009         | 26.127.950            |
| .....                  | .....              | .....                 |
| 227                    | 28/03/2009         | 62.375.000            |
| 228                    | 28/03/2009         | 1.089.900             |
| .....                  | .....              | .....                 |
| 302                    | 31/03/2009         | 505.680.759           |
| .....                  | .....              | .....                 |
| <b>Cộng</b>            |                    | <b>25.456.139.465</b> |

Ngày ... tháng ... năm 2009

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009 của Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện)

Sau khi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009, chứng từ ghi sổ được sử dụng để ghi vào sổ cái TK: 154 quý I.

### **Biểu 2.34**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN & XÂY LẮP.**

Địa chỉ: Phạm Hữu Điều – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.

## **SỔ CÁI**

TK: 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang  
Quý I năm 2009

| Ngày tháng<br>ghi sổ | Chứng từ<br>ghi sổ |       | Diễn giải                               | SH<br>TK<br>đối<br>ứng | Số tiền              |                      | Ghi<br>chú |
|----------------------|--------------------|-------|-----------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------|
|                      | SH                 | NT    |                                         |                        | Nợ                   | Có                   |            |
|                      |                    |       | số dư đầu kỳ                            |                        | 235.429.113          |                      |            |
|                      |                    |       | SPS                                     |                        |                      |                      |            |
|                      |                    |       | .....                                   |                        |                      |                      |            |
| 17/02/2009           | 125                | 17/03 | Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng số:04” | 632                    |                      | 829.136.450          |            |
| .....                |                    |       | .....                                   |                        |                      |                      |            |
| 31/03/2009           | 302                | 31/03 | Kết chuyển giá vốn của “đơn hàng số:06” | 632                    |                      | 505.680.759          |            |
|                      |                    |       | <b>Cộng SPS</b>                         |                        | <b>1.977.681.514</b> | <b>1.477.314.535</b> |            |
|                      |                    |       | <b>Số dư cuối kỳ</b>                    |                        | <b>735.796.092</b>   |                      |            |

Ngày ...tháng ... năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK154 quý I của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp)

## CHƯƠNG 3:

### MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ – NHIỆT – ĐIỆN VÀ XÂY LẮP.

#### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện & xây lắp.

##### 3.1.1. Sự cần thiết và mục đích của việc hoàn thiện.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và sự tăng cường hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng của xã hội các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh mạnh mẽ với nhau. Để tồn tại trong cuộc cạnh tranh khốc liệt đó các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi cách để tăng cường lợi nhuận và tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Đây luôn là vấn đề mang tính chất chiến lược và xuyên suốt mọi hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Ta biết rằng, giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động và tiền vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như tình đúng đắn của các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ. Giá thành là một căn cứ quan trọng để xác định giá bán và xác định kết quả kinh tế của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vai trò quan trọng này nên quá trình sản xuất diễn ra thuận lợi từ khâu lập dự toán đến khâu tổ chức thực hiện, các nhà quản trị phải thu thập những thông tin về tình hình chi phí cũng như kết quả thu được. Từ đó sẽ đề ra các biện pháp nhằm không ngừng giảm chi phí không cần thiết, khai thác tiềm năng của người lao động và của doanh nghiệp. Muốn vậy, các nhà quản trị và những người quan tâm không chỉ căn cứ vào sự tồn tại hình thái vật chất của nó mà còn bằng phương pháp ghi chép tính toán dựa trên những sổ sách chi phí cụ thể. Do đó, hạch toán kế toán với chức năng cơ bản là cung cấp thông tin cho quản lý đã khẳng định vai trò không thể thiếu của mình trong việc tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua các phân hệ kế toán, nhất là phân hệ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm về mặt quy mô và hiệu quả.

Chính vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và phải nâng cao chất lượng của thông tin kế toán và cung cấp thông tin chính xác cho các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định quản lý là vấn đề vô cùng cấp thiết và luôn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của mỗi doanh nghiệp.

### ***3.1.2. Những mặt ưu điểm.***

Từ khi thành lập đến nay, đã trải qua nhiều khó khăn song với nỗ lực của bản thân Công ty đã hoàn thành những mục tiêu đặt ra, vượt qua giai đoạn khủng hoảng, luôn đáp ứng được những yêu cầu của khách hàng, tạo dựng được sự tin tưởng ở khách hàng, không ngừng phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường, từng bước hòa nhập với nhịp điệu phát triển của đất nước. Có được những kết quả đó là do những ưu điểm sau của Công ty:

- Thứ nhất: Về bộ máy quản lý của Công ty

Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ, với sự kết hợp của các phòng ban chức năng giúp lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những quyết định chính xác, kịp thời. Mỗi phòng ban thực hiện một chức năng khác nhau nhưng vẫn đảm bảo sự thống nhất từ trên xuống dưới và luôn có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau.

- Thứ hai: Về bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung, tạo được sự thống nhất và sự phù hợp với tổ chức bộ máy quản lý của Công ty. Phòng kế toán bao gồm các bộ phận có cơ cấu phù hợp với các khâu của công việc. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung trong Công ty đã đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất với công tác kế toán, kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, giúp lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty một cách nhanh chóng thông qua thông tin kế toán cung cấp, thực hiện, kiểm tra, chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Công ty.

Việc phân chia các phần hành kế toán cụ thể không những giúp phòng kế toán bao quát được toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày với khối lượng lớn, phức tạp mà còn đảm bảo được sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các nhân viên kế toán.

- Thứ ba: Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.

Nhìn chung hệ thống chứng từ, sổ sách tại Công ty là đầy đủ và tương đối rõ ràng, phù hợp với đặc điểm tổ chức, bố trí nhân sự của Công ty cũng như việc giải trình với những cơ quan chức năng của nhà nước. Các chứng từ được đơn vị lập đầy đủ phục vụ thông tin cần thiết cho công tác kiểm tra và ghi sổ kế toán, đồng thời được sự kiểm soát chặt chẽ của Giám đốc và Kế toán trưởng. Sau khi kết thúc niên độ kế toán, mọi chứng từ được lưu trữ và bảo quản, đảm bảo tính mật của tài liệu và số liệu kế toán.

Hệ thống tài khoản của Công ty bao gồm hệ thống các tài khoản tổng hợp, chi tiết được mở theo đúng quy định hiện hành đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ để hạch toán. Hình thức ghi sổ này đơn giản, thuận tiện và phù hợp với quy mô của Công ty. Mặt khác, việc tổ chức ghi sổ theo hình thức này phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất, trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán.

- Thứ tư: Về công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đảm bảo tập hợp được chi phí sản xuất, cung cấp những thông tin quản trị quan trọng. Công ty đã căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm quy mô công nghệ sản xuất sản phẩm để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn hàng với đối tượng tính giá thành là sản phẩm của đơn hàng, kỳ tính giá là khi đơn hàng hoàn thành nên việc tính giá thành tương đối thuận lợi, tạo điều kiện cho việc quản lý sản xuất và đánh giá hiệu quả sản xuất được chi tiết.

+ Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nhìn chung Công ty thực hiện đầy đủ quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Việc mở sổ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh kịp thời, hợp lý theo yêu cầu của công tác kế toán.

+ Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Việc áp dụng trả lương theo hình thức thời gian là đơn giản, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Về hạch toán chi phí sản xuất chung: Việc hạch toán chi phí sản xuất chung cho công trình phân bổ theo tiêu thức nguyên vật liệu trực tiếp theo dự toán giúp Công ty quản lý được lượng chi phí này phân bổ cho công trình một cách kịp thời.

### **3.1.3. Những mặt hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm trên, Công ty vẫn còn tồn tại một số nhược điểm cần phải khắc phục.

- Thứ nhất: Về các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Các khoản trích theo lương của Công ty không có Kinh phí công đoàn, mọi sinh hoạt đoàn thể của cán bộ công nhân viên tham gia chỉ ở mức cơ sở, hàng tháng mỗi công nhân sau khi lĩnh lương đều trích lại 20.000đ. để hình thành quỹ công đoàn cơ sở.

Tuy cán bộ công nhân viên tại công ty vẫn có quỹ công đoàn để đảm bảo các hoạt động tại cơ sở, nhưng quỹ đó còn nhỏ so với thực tế nếu họ đóng góp kinh phí công đoàn. Không đóng góp kinh phí công đoàn, công đoàn Công ty sẽ không tham gia vào công đoàn của thành phố, như vậy lợi ích của người lao động bị thiệt thòi. Họ không có dịp tham gia, giao lưu với lực lượng công đoàn thành phố nói riêng và công đoàn cả nước nói chung. Kinh phí công đoàn (2%) trong đó 1% do người lao động đóng góp, 1% còn lại do công ty bỏ ra và được trích vào chi phí. Vì vậy Công ty nên tính Kinh phí công đoàn để phản ánh đầy đủ chi phí và đảm bảo lợi ích của người lao động.

- Thứ hai: Về cách thức phân bổ công cụ dụng cụ.

Công cụ dụng cụ của Công ty không phân biệt giá trị, khi mua về đều nhập kho và phân bổ trong hai năm (treo trên tài khoản 242) đến cuối kỳ mới tính vào chi phí. Điều trên là chưa hợp lý, làm chi phí sản xuất trong kỳ không được phản ánh chính xác. Vì vậy khi mua công cụ dụng cụ về kế toán nên phân biệt giá trị rồi

tiến hành phân bổ. Nếu công cụ dụng cụ nào giá trị lớn thì phân bổ nhiều lần. công cụ dụng cụ nào giá trị nhỏ thì chỉ nên tiến hành phân bổ một lần.

- Thứ ba: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.

Trong quá trình sản xuất, các khoản thiệt hại bao gồm: thiệt hại sản phẩm hỏng và thiệt hại ngừng sản xuất.

Thiệt hại sản phẩm hỏng phát sinh bởi nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng không đúng tiêu chuẩn, kỹ thuật hoặc sai yêu cầu của khách hàng. Do được quản lý chặt chẽ nên những sản phẩm đó không phải thường xuyên phát sinh vì vậy khi phát sinh những khoản chi phí trên được phản ánh vào chi phí sản xuất.

Do đặc thù của sản xuất, những công trình Công ty thi công diễn ra ngoài địa điểm của công ty, thời gian làm việc đặc thù (ban đêm, những ngày nghỉ ..) làm việc thi công, kiểm tra, giám sát gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó một số nguyên nhân khách quan như: mất điện, mất nước, thiên tai, lũ lụt, ... làm công việc sản xuất tại công ty bị ngừng trệ. Do không tổ chức hạch toán riêng các khoản thiệt hại này vì vậy khi nó xảy ra công ty hạch toán vào chi phí sản xuất.

Tuy nhiên, các khoản thiệt hại này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy phải yêu cầu giảm bớt tối đa các khoản thiệt hại là rất cần thiết. Kế toán nên tổ chức hạch toán đầy đủ các khoản thiệt hại xảy ra, nguyên nhân gây ra thiệt hại và người chịu trách nhiệm gây thiệt hại để có thể thu hồi bồi thường thiệt hại, có thể xử lý đúng người đúng việc nâng cao ý thức của người lao động trong quá trình sản xuất, góp phần hạn chế các khoản thiệt hại đó.

- Thứ tư: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.

Hiện nay với sự phát triển vượt trội, công nghệ thông tin mang lại rất nhiều tiện ích cho công tác hạch toán kế toán, đó là sự ra đời của những phần mềm kế toán yêu việt đã, đang và sẽ chứng minh được những lợi ích của mình tại các doanh nghiệp.. Nhưng tại Công ty việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác



hạch toán kế toán chỉ dừng lại ở việc áp dụng các ứng dụng tin học văn phòng: Word, excel nên việc ứng dụng đó chưa thật sự hiệu quả.

- Thứ năm: Về việc trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Tài sản cố định của công ty do được mua sắm, xây dựng từ lâu nên một số tài sản đã xuống cấp. Mặc dù vậy kế toán vẫn không trích trước các khoản sửa chữa lớn cho chúng mà khi xảy ra kế toán sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy những kỳ chúng phát sinh làm chi phí sản xuất tăng đột biến, gây biến động lớn cho giá thành. Vì vậy yêu cầu kế toán tiến hành lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định.

- Thứ sáu: Về việc thiết lập một bộ phận làm công tác kế toán quản trị.

Trong Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp nói riêng và trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung bộ phận kế toán mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp những thông tin mang tính quá khứ. Mà trong nền kinh tế thị trường và đang ngày một mở rộng như hiện nay thì điều đó là chưa đủ. Vì vậy công ty nên thành lập một bộ phận kế toán làm công tác quản trị để giúp nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định sáng suốt góp phần phát triển Công ty.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Hiện nay, trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế thế giới, đặc biệt với cơ chế thị trường mở cửa, nước ta đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào thị trường tiềm năng mới. Đây chính là những cơ hội, thách thức để các doanh nghiệp tự khẳng định mình, tìm chỗ đứng vững chắc của mình trên thị trường. Muốn vậy mỗi doanh nghiệp phải luôn chủ động tìm cho mình phương thức hoạt động có hiệu quả đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Để thực hiện được chiến lược này, vấn đề đầu tiên mà mỗi doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt coi trọng là nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Nhận thức được vấn đề trên, Công ty cần phải sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào, khắc phục tình trạng thất thoát lãng phí trong quá trình tập hợp chi phí. Vì thế kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng vai trò quan

trọng trong hệ thống kế toán toàn Công ty. Bởi lẽ những thông tin cung cấp từ bộ phận này không chỉ nhằm mục đích tính đúng, tính đủ chi phí để từ đó tính toán được giá thành một cách chính xác, linh hoạt, mặt khác nó còn là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó tính tất yếu đối với Công ty là phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn thế giới để có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Trong khi đó thực trạng công tác nói chung và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp nói riêng còn tồn tại nhiều nhược điểm. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp mang tính tất yếu.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện & xây lắp.**

Yêu cầu đặt ra là kế toán phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để tập hợp chi phí sản xuất một cách hợp lý, tính giá thành đầy đủ. Giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả của các biện pháp kinh tế - tổ chức - kỹ thuật mà doanh nghiệp đã đầu tư trong quá trình sản xuất kinh doanh, phục vụ cho việc thực hiện chế độ hạch toán.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đòi hỏi việc thực hiện phải dựa trên những yêu cầu sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty với chế độ kế toán nói chung. Vì mỗi Công ty có những đặc điểm riêng nên vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác hạch toán kế toán nói riêng.

- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán nhà nước, trong chế độ kế toán ban hành với những đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong công việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng của công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện & xây lắp.**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Trích chi phí công đoàn cho cán bộ công nhân viên.**

Để đảm bảo quyền lợi, động viên tinh thần cán của người lao động, duy trì hoạt động đoàn thể và phản ánh đầy đủ các khoản chi phí sản xuất của mình Công ty nên tiến hành trích Kinh phí công đoàn 3% trong đó Công ty chịu 2% và 1% trừ vào lương của người lao động giúp nâng cao hoạt động đoàn thể trong đời sống của cán bộ công nhân viên. Và giúp quá trình tập hợp chi phí sản xuất được hoàn thiện.

Khi tiến hành trích kinh phí công đoàn thì kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1542, 1543, 642

Nợ TK 334

Có TK3382

#### **3.4.2. Kiến nghị 2: Phân bổ giá trị công cụ dụng cụ một cách hợp lý.**

Hiện nay công cụ dụng cụ trong Công ty không phân biệt giá trị đều được phân bổ đều trong 2 năm. Điều này là không hợp lý vì phải tùy vào giá trị của công cụ dụng cụ. Nếu công cụ giá trị lớn thì phân bổ nhiều lần (nhiều năm), những công cụ dụng cụ nào giá trị nhỏ ta chỉ cần phân bổ một lần.

##### **\* Công cụ dụng cụ phân bổ một lần.**

Những công cụ dụng cụ phân bổ một lần kế toán định khoản như sau:

Nợ TK:1543, 642

Có TK: 153

Những công cụ dụng cụ mua ngoài xuất thẳng cho sản xuất kế toán định khoản:

Nợ TK:1543

Nợ TK:133

Có TK111, 112, 331...

\* Công cụ dụng cụ phân bổ hai lần trở lên

Khi xuất dùng:

Nợ TK142, 242

Có TK153

Phân bổ giá trị và chi phí

Nợ TK 1543,642

Có TK142

### ***3.4.3. Kiến nghị 3: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất***

Không tiến hành theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động: khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, không giáo dục ý thức cẩn trọng trong lao động của công nhân. Để tránh tình trạng này xảy ra Công ty nên tiến hành hạch toán cụ thể các khoản chi phí này có như vậy mới hạn chế và khắc phục được các khoản thiệt hại. Sau đây là các phương án với từng trường hợp cụ thể:

\* *Thiệt hại về sản phẩm hỏng*

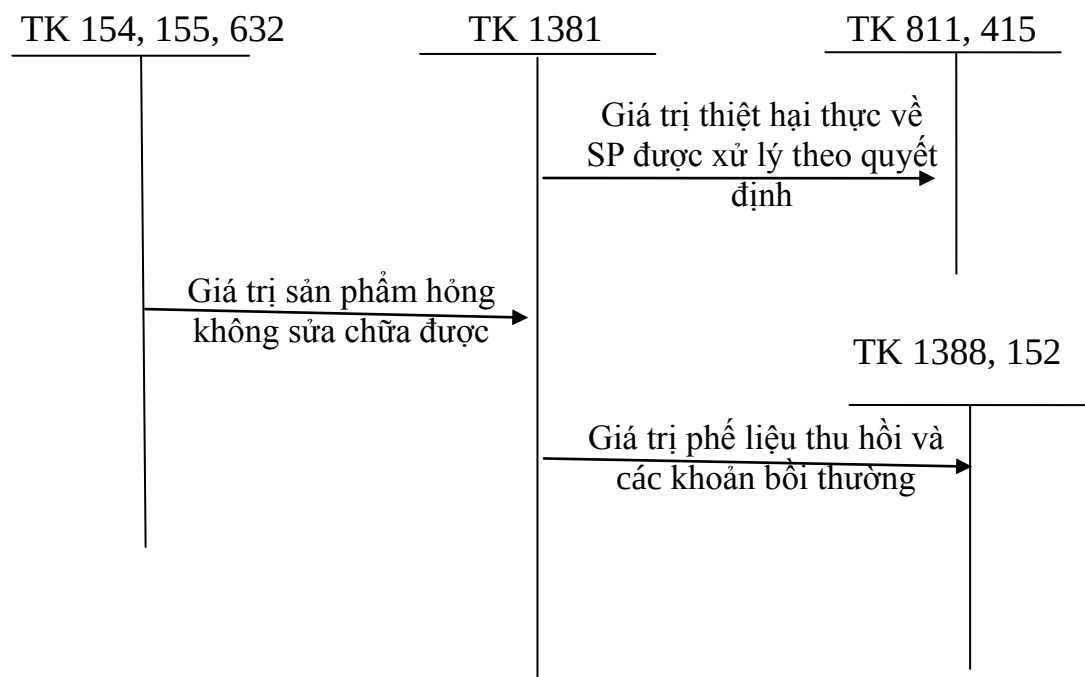
Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất, không đúng theo yêu cầu của khách hàng. Khi nó xảy ra thì đều được tính vào chi phí sản xuất. Tuy nhiên trước yêu cầu hạ giá thành sản phẩm, hạch toán đầy đủ và chính xác các khoản thiệt hại này là điều cần thiết, góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty. Sản phẩm hỏng tại công ty được chia làm hai loại:

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

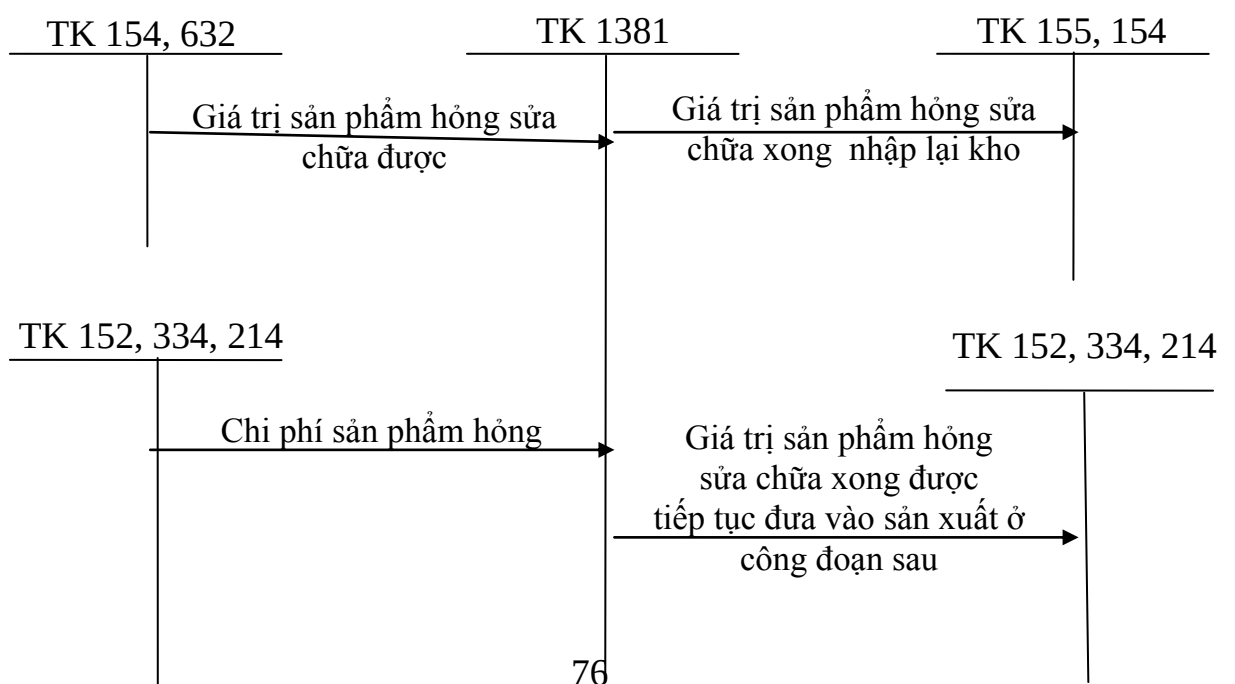
- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

Sau đây là sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng:

**Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được**



**Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được**

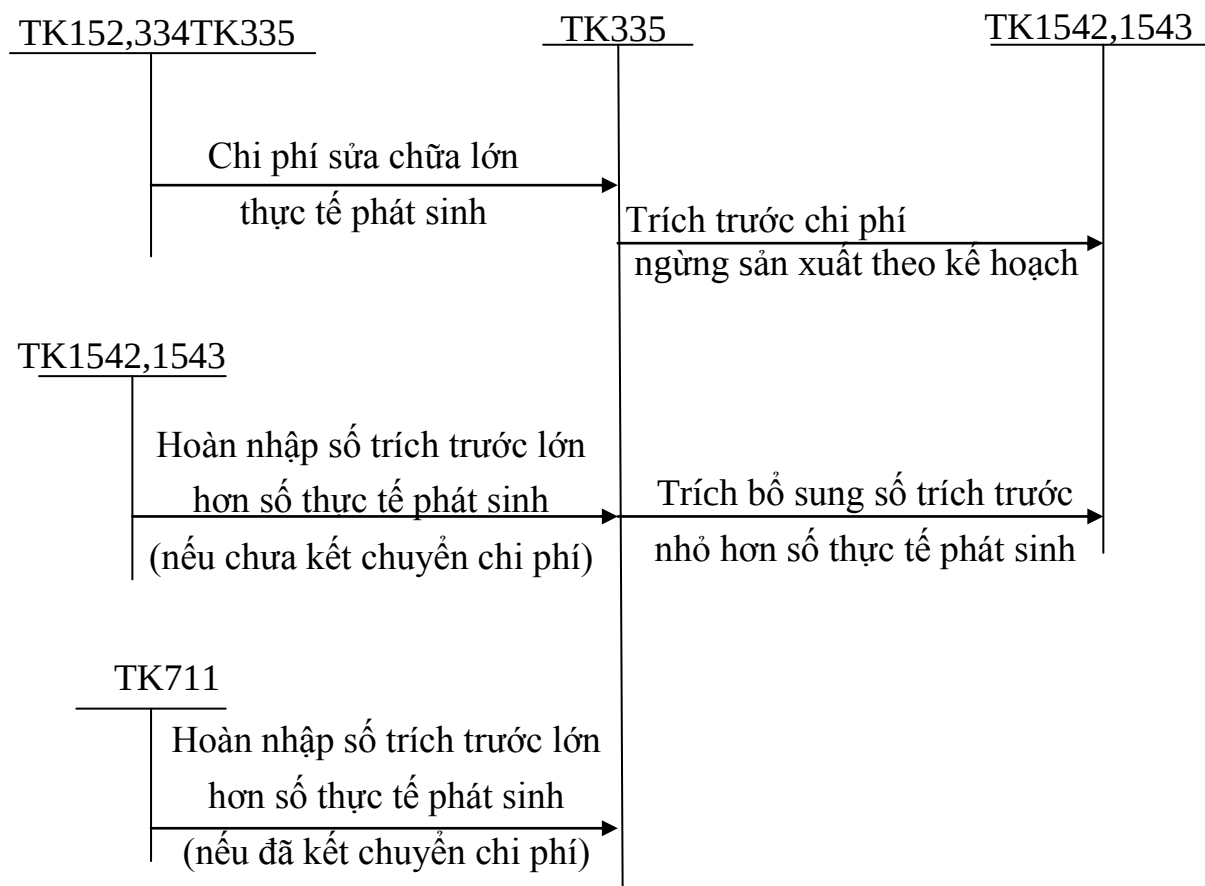


\* Thiệt hại ngừng sản xuất.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể xảy ra những khoản thời gian phải ngừng sản xuất do các nguyên nhân khác quan hoặc chủ quan gây ra: Thiết bị sản xuất hư hỏng, thiên tai, hoả hoạn, mất điện... Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều chi phí để bảo vệ tài sản, đảm bảo đời sống người lao động, duy trì hoạt động quản lý....Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính trong giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí thời kỳ phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

Sau đây là sơ đồ hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất.

**Sơ đồ:3.3: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất theo kế hoạch**



- *Trường hợp ngừng sản xuất phát sinh bất thường ngoài dự kiến:*

Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK811

Có TK334, 338, 152...

Các khoản thu được do bắt bồi thường thiệt hại kế toán định khoản:

Nợ TK111,112,1388

Có TK711

#### **3.4.4. Kiến nghị 4: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.**

Hiện nay với sự phát triển vượt trội của công nghệ thông tin, rất nhiều phần mềm kế toán máy ra đời hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích cho việc hạch toán kế toán:

- Phần mềm kế toán máy MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN
- .....

Chính vì vậy Công ty nên đầu tư mua hoặc tự viết riêng cho mình một phần mềm kế toán phù hợp để thuận tiện cho việc hạch toán kế toán để giảm bớt một phần công việc của kế toán viên. Giúp nâng cao năng suất lao động của đội ngũ kế toán, cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

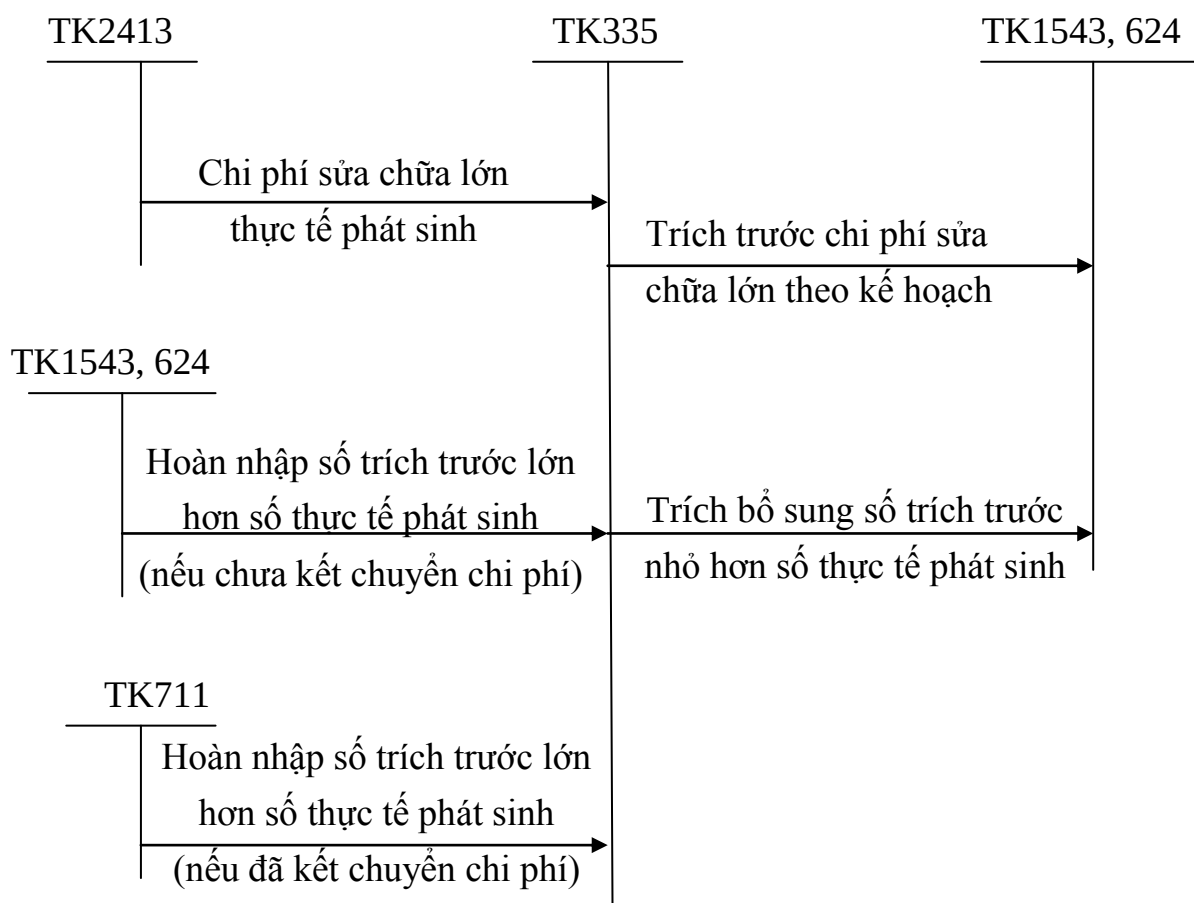
#### **3.4.5. Kiến nghị 5: Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.**

Tài sản cố định của Công ty do được mua sắm và xây dựng từ lâu nên một số tài sản đã xuống cấp. Mặc dù vậy kế toán Công ty vẫn chưa thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, như vậy là chưa hợp lý. Vì vậy kế toán phải trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định để khi chi phí này phát sinh cũng không gây biến động lớn cho giá thành sản phẩm. Muốn làm được việc đó trước hết phòng kế hoạch phải lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định ngay từ

đầu năm, để bộ phận kế toán làm căn cứ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 3.4 : Sơ đồ hạch toán trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.**



Khi thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định sẽ giúp cho quá trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được đúng, tính đủ, không gây sự biến động lớn cho giá thành nếu chi phí này có phát sinh. Giúp cho các nhà quản trị có được những kế hoạch trong việc sử dụng tài sản cố định sao cho phù hợp, và đưa ra được những quyết định đúng đắn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

**3.4.6. Kiến nghị 6: Thiết lập một bộ phận kế toán làm công tác kế toán quản trị.**

Tại Công ty chức năng kế toán mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp những thông tin mang tính quá khứ, chưa phản ánh được những xu hướng biến động của



chi phí và nguyên nhân gây ra những biến động này. Chính vì thế, công tác quản lý chi phí của Công ty còn mang tính bị động, chỉ dựa vào chức năng giám sát của hạch toán kế toán mà không đưa ra được những biện pháp cụ thể để chủ động kiểm soát chi phí phát sinh. Do đó cần phải thiết lập một bộ phận kế toán làm công tác quản trị để luôn theo dõi, và báo cáo tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định điều hành mọi hoạt động nhằm hướng tới các mục tiêu tối thiểu hoá chi phí, tối đa hoá doanh thu, lợi nhuận.

Ví dụ: Khi theo dõi sự biến động của giá thành sản phẩm, kế toán quản trị có thể lập bảng phân tích giá thành theo mẫu sau:

**Biểu 3.1:**  
**BẢNG PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH**

*Công trình.....*  
*năm.....*

| Khoản mục chi phí                    | Giá thành<br>kế hoạch | Giá<br>thành<br>thực tế | Chênh lệch      |                    |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|
|                                      |                       |                         | Số tuyệt<br>đối | Số<br>tương<br>đối |
| 1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp |                       |                         |                 |                    |
| 2. Chi phí nhân công trực tiếp       |                       |                         |                 |                    |
| 3. chi phí sản xuất chung            |                       |                         |                 |                    |
| <b>Tổng</b>                          |                       |                         |                 |                    |

Trên cơ sở đó kế toán sẽ làm rõ được nguyên nhân những biến động của chi phí. Điều này giúp các nhà quản lý phát hiện được những chênh lệch và nắm được nguyên nhân biến động để có biện pháp quản lý hiệu quả.

Việc kết hợp kế toán quản trị cùng với hệ thống kế toán tài chính trong doanh nghiệp luôn là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Qua những công cụ phân tích của kế toán quản trị, các thông tin về kinh tế, tài chính sẽ là cơ sở quan trọng để có các quyết định đem lại nhiều lợi nhuận trong kinh doanh cũng như trong tính khoa học trong quản lý.

### **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp.**

#### **3.5.1. Về phía nhà nước**

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang hội nhập một cách mạnh mẽ với việc xây dựng nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh bình đẳng. Chính vì vậy nhà nước cần phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế thị trường. Từ đó có tính áp dụng cao đối với chế độ kế toán tại Việt Nam.

#### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp.**

Đứng trước những sự thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, các doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp mình, cập nhập các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Các doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như toàn bộ nền chi phí quốc dân. Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải quan tâm đặc biệt với việc tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Thực hiện tốt yêu cầu trên chính là cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất và cũng là căn cứ, tiền đề để tìm biện pháp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH công nghệ cơ – nhiệt – điện và xây lắp là thật sự rất cần thiết.

Qua quá trình thực tập tại Công ty em đã tiếp xúc với thực tế với công tác kế toán hạch toán của Công ty và đặc biệt là phân hệ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như bộ máy tổ chức quản lý. Qua đó em có điều kiện hiểu sâu hơn về những kiến thức đã học, tìm hiểu việc vận dụng vào thực tế như nào.

Từ thực tế của Công ty em đã đưa ra một số nhận xét về những ưu điểm, nhược điểm và đã mạnh dạn đưa ra một số đóng góp để góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

Do thời gian thực tập hạn chế, đồng thời kinh nghiệm thực tế của bản thân vẫn chưa có nên bài viết này chắc chắn là còn nhiều hạn chế. Em mong rằng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp, giúp đỡ của các thầy cô và các cô chú cán bộ kế toán của Công ty...

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo: ThS. Nguyễn Đức Kiên và các cô chú cán bộ phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH công nghệ cơ - nhiệt - điện & xây lắp đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn

Sinh viên

**Nguyễn Thị Lụa**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế toán tài chính – PGS.TS. Võ Văn Nhị, PGS.TS. Phan Thị Cúc, ThS. Dương Hồng Thủy, CN. Mai Bình Dương (nhà xuất bản Tài Chính) Năm 2009
2. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp – TS. Võ Văn Nhị, Th.S Phạm Thanh Liêm, Th.S Lý Kim Huê (nhà xuất bản Thống Kê) Năm 2002.
3. Kế toán chi phí giá thành – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – Khoa kinh tế - TS. Phan Đức Dũng (nhà xuất bản thống kê) Năm 2007.
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – TS. Nguyễn Văn Công (nhà xuất bản Tài Chính) Năm 2001
5. Chế độ kế toán quyền 1 và quyền 2 (Bộ Tài Chính) Năm 2006.
6. Quyết định 48/2006 ngày 14 tháng 09 năm 2006 (Bộ Tài Chính)
7. Các bài khóa luận năm trước của trường: Đại học dân lập Hải Phòng